

**DANH SÁCH CHA MẸ HỌC SINH ĐÓNG GÓP
TÀI TRỢ GIÁO DỤC NĂM HỌC 2023-2024**

STT	Lớp	HỌ	TÊN	Tiền	Ghi chú
1	12A01	Lê Quốc	Bảo	400,000	
2	12A01	Nguyễn Công	Bảo	400,000	
3	12A01	Phạm Quốc	Bảo	200,000	
4	12A01	Lê Nguyễn Ngọc	Duy	200,000	
5	12A01	Nguyễn Bách Khang	Duy	200,000	
6	12A01	Trương Phùng Kỳ	Duyên	200,000	
7	12A01	Lại Thành	Đạt	400,000	
8	12A01	Hà Gia	Huy	200,000	
9	12A01	Huỳnh Thị Thu	Khanh	200,000	
10	12A01	Nguyễn Huy	Khánh	200,000	
11	12A01	Nguyễn Phước	Khánh	200,000	
12	12A01	Đào Huỳnh Đăng	Khôi	400,000	
13	12A01	Nguyễn Tuấn	Kiệt	400,000	
14	12A01	Lê Diễm	Linh	200,000	
15	12A01	Trương Phương	Linh	200,000	
16	12A01	Võ Duy	Lộc	400,000	
17	12A01	Đặng Thị Tuyết	Mai	400,000	
18	12A01	Đỗ Ngọc	Mai	200,000	
19	12A01	Đinh Thanh	Ngân	200,000	
20	12A01	Nguyễn Trần Thảo	Nguyên	200,000	
21	12A01	Huỳnh Minh	Nhật	400,000	
22	12A01	Lê Thị Yến	Nhi	200,000	
23	12A01	Chung Thục	Như	200,000	
24	12A01	Đàm Thị Quỳnh	Như	200,000	
25	12A01	Trần Nguyễn Hà	Như	400,000	
26	12A01	Dương Khánh	Phú	400,000	
27	12A01	Đặng Huỳnh Tấn	Tài	200,000	
28	12A01	Nguyễn Chí	Tài	400,000	
29	12A01	Ngô Văn Công	Thành	200,000	
30	12A01	Nguyễn Ngọc Minh	Thảo	200,000	
31	12A01	Trần Công	Thịnh	200,000	
32	12A01	Trần Ngọc Bảo	Trâm	200,000	
33	12A01	Trần Mai Anh	Tuấn	200,000	
34	12A01	Nguyễn Phương	Uyên	400,000	
35	12A01	Nguyễn Thanh	Vy	400,000	
				9,600,000	
1	12A02	Trần Đức	Bảo	1,000,000	
2	12A02	Lê Hoàng Ngọc	Bích	400,000	
3	12A02	Nguyễn Phương Thùy	Dung	400,000	

STT	Lớp	HỌ	TÊN	Tiền	Ghi chú
4	12A02	Nguyễn Thùy	Dung	400,000	
5	12A02	Trần Đỗ Đình	Duy	400,000	
6	12A02	Phạm Thị Hồng	Duyên	400,000	
7	12A02	Nguyễn Hải	Dương	400,000	
8	12A02	Huỳnh	Giao	400,000	
9	12A02	Lê Ngọc Thái	Hà	400,000	
10	12A02	Nguyễn Đặng Diễm	Hằng	400,000	
11	12A02	Lê Hoàng	Hiếu	400,000	
12	12A02	Tổng Đức Minh	Hoàng	400,000	
13	12A02	Lê Bảo	Khang	400,000	
14	12A02	Lý Cẩm	Khang	400,000	
15	12A02	Đặng Hoàng Trúc	Linh	400,000	
16	12A02	Lê Thị Ngọc	Linh	400,000	
17	12A02	Lâm Trương Huệ	Mỹ	400,000	
18	12A02	Nguyễn Văn	Nam	400,000	
19	12A02	Châu Thục	Nghi	400,000	
20	12A02	Hồ Quỳnh Thanh	Ngọc	400,000	
21	12A02	Nguyễn Thanh	Ngọc	400,000	
22	12A02	Nguyễn Quỳnh	Như	400,000	
23	12A02	Phạm Xuân Bảo	Như	400,000	
24	12A02	Trương Ngọc Quỳnh	Như	400,000	
25	12A02	Phạm Lê Kim	Oanh	400,000	
26	12A02	Võ Hoàng	Phúc	400,000	
27	12A02	Trần Ngô Uyên	Phương	400,000	
28	12A02	Phạm Đỗ	Quyên	400,000	
29	12A02	Bùi Duy	Tấn	400,000	
30	12A02	Lê Thành	Thắng	400,000	
31	12A02	Nguyễn Mạnh	Thắng	400,000	
32	12A02	Trần Sáng	Thịnh	400,000	
33	12A02	Lê Nguyễn Thảo	Tiên	400,000	
34	12A02	Hồ Thị Tuyết	Trinh	400,000	
35	12A02	Nguyễn Khiết	Trình	400,000	
36	12A02	Nguyễn Thị Ánh	Vy	400,000	
37	12A02	Trương Ngọc	Yến	400,000	
				15,400,000	
1	12A03	Lương Nguyễn Khánh	An	400,000	
2	12A03	Nguyễn Đức Trường	An	400,000	
3	12A03	Phạm Vũ Xuân	Anh	300,000	
4	12A03	Hoàng Trương Ngọc	Ánh	400,000	
5	12A03	Trần Đình Gia	Bửu	400,000	
6	12A03	Châu Diễm	Ca	400,000	
7	12A03	Nguyễn Phú	Đạt	400,000	
8	12A03	Đinh Thị	Hân	400,000	
9	12A03	Trần Gia	Hân	400,000	
10	12A03	Trương Phan Minh	Hằng	400,000	

STT	Lớp	HỌ	TÊN	Tiền	Ghi chú
11	12A03	Nguyễn Vũ Minh	Hoàng	400,000	
12	12A03	Nguyễn Duy	Hùng	400,000	
13	12A03	Hoàng Ngọc	Huy	400,000	
14	12A03	Gan Minh	Hương	400,000	
15	12A03	Huỳnh Đức	Khang	400,000	
16	12A03	Lưu Nguyễn Anh	Khôi	400,000	
17	12A03	Lê Trần Tuấn	Kiệt	400,000	
18	12A03	Nguyễn Thị Vân	Lam	400,000	
19	12A03	Nguyễn Phương	Linh	400,000	
20	12A03	Lê Nguyễn Huỳnh	Long	400,000	
21	12A03	Phạm Thiên	Long	400,000	
22	12A03	Nguyễn Văn Phú	Lộc	400,000	
23	12A03	Trần Thảo	Ly	400,000	
24	12A03	Ma Nguyễn Hùng	Mạnh	400,000	
25	12A03	Phạm Đào Trường	Minh	400,000	
26	12A03	Vũ Hải	Nam	400,000	
27	12A03	Bùi Đặng Khánh	Nhiên	400,000	
28	12A03	Lê Đức	Phúc	400,000	
29	12A03	Trần Thiên	Phúc	400,000	
30	12A03	Vũ Minh	Quân	400,000	
31	12A03	Trương Huỳnh Anh	Quốc	400,000	
32	12A03	Chung Ngọc Đan	Thanh	400,000	
33	12A03	Võ Như	Thảo	800,000	
34	12A03	Lê Võ Ngọc	Thư	400,000	
35	12A03	Nguyễn Minh	Trí	200,000	
36	12A03	Hoàng Quang	Trung	400,000	
37	12A03	Trần Hoàng Thảo	Vy	400,000	
				14,900,000	
1	12A04	Lê Ngô Minh	Anh	500,000	
2	12A04	Trần Hoàng Thiên	Ân	400,000	
3	12A04	Trịnh Thị Thanh	Bình	400,000	
4	12A04	Đỗ Xuân	Đông	400,000	
5	12A04	Nguyễn Ngọc Hương	Giang	400,000	
6	12A04	Lê Long	Hải	400,000	
7	12A04	Nguyễn Tâm Trường	Hải	400,000	
8	12A04	Lê Phương	Hạnh	400,000	
9	12A04	Nguyễn Trọng	Hiếu	400,000	
10	12A04	Nguyễn Quang	Huy	400,000	
11	12A04	Trần Danh Quang	Huy	900,000	
12	12A04	Đào Lệ	Hương	400,000	
13	12A04	Đinh Phúc	Khang	400,000	
14	12A04	Mai Bảo	Khang	400,000	
15	12A04	Nguyễn Hữu Minh	Khang	400,000	
16	12A04	Bạch Văn Tín	Khôi	400,000	
17	12A04	Nguyễn Đại	Lộc	400,000	

STT	Lớp	HỌ	TÊN	Tiền	Ghi chú
18	12A04	Quản Lê	Minh	400,000	
19	12A04	Trần Trúc	My	400,000	
20	12A04	Nguyễn Văn	Nam	400,000	
21	12A04	Nguyễn Hà Bảo	Ngân	400,000	
22	12A04	Trần Phương	Ngân	400,000	
23	12A04	Hồ Đặng Phương	Nghi	400,000	
24	12A04	Ứng Lê	Nghi	400,000	
25	12A04	Nguyễn Hương	Ngọc	400,000	
26	12A04	Trần Kim	Ngọc	400,000	
27	12A04	Nguyễn Quang	Phong	400,000	
28	12A04	Võ Lê Hoàng	Phúc	400,000	
29	12A04	Nguyễn Trương Đăng	Quang	400,000	
30	12A04	Trần Phương Ngọc	Quý	400,000	
31	12A04	Phan Ngọc Tường	Quyên	400,000	
32	12A04	Nguyễn Bảo Phương	Quỳnh	400,000	
33	12A04	Lê Trần Thiện	Tâm	400,000	
34	12A04	Lê Hoàng Ngân	Thanh	400,000	
35	12A04	Phan Thị	Thảo	400,000	
36	12A04	Lê Phụng	Thi	400,000	
37	12A04	Trần Hoàng Mai	Thư	400,000	
38	12A04	Thân Hoàng Phương	Trinh	400,000	
39	12A04	Nguyễn Đức	Trọng	400,000	
40	12A04	Huỳnh Lâm Bảo	Trung	400,000	
41	12A04	Trịnh Nguyễn Minh	Trung	400,000	
42	12A04	Nguyễn Quốc	Tuấn	400,000	
43	12A04	Đặng Thảo	Vy	400,000	
44	12A04	Mai Thanh	Vy	400,000	
45	12A04	Ngô Trương Như	Ý	400,000	
				18,600,000	
1	12A05	Vũ Quốc	Anh	400,000	
2	12A05	Nguyễn Thái	Bảo	400,000	
3	12A05	Trần Ngọc	Bảo	400,000	
4	12A05	Nguyễn Như	Cường	400,000	
5	12A05	Huỳnh Lê	Đạt	400,000	
6	12A05	Trần Minh	Đạt	400,000	
7	12A05	Nguyễn Gia Khánh	Đoan	400,000	
8	12A05	Ấu Ngọc	Đồng	400,000	
9	12A05	Lê Vũ Quốc	Huy	400,000	
10	12A05	Trần Gia	Huy	400,000	
11	12A05	Nguyễn Đình Bảo	Khánh	400,000	
12	12A05	Nguyễn Ngọc Anh	Khoa	400,000	
13	12A05	Nguyễn Trọng	Khôi	400,000	
14	12A05	Cao Nguyễn Thảo	Linh	300,000	
15	12A05	Cao Nguyễn Trúc	Linh	300,000	
16	12A05	Nguyễn Phúc	Minh	500,000	

STT	Lớp	HỌ	TÊN	Tiền	Ghi chú
17	12A05	Vũ Đức	Minh	400,000	
18	12A05	Phạm Gia	Nghi	500,000	
19	12A05	Võ Phương	Nghi	400,000	
20	12A05	Phan Kỳ	Nguyên	400,000	
21	12A05	Đàm Truyền Mỹ	Nương	200,000	
22	12A05	Trần Lê Gia	Phú	400,000	
23	12A05	Đỗ Hoàng	Phúc	400,000	
24	12A05	Lai Phạm Như	Phúc	400,000	
25	12A05	Nguyễn Ngọc Mai	Phương	400,000	
26	12A05	Lưu Hồng	Quân	400,000	
27	12A05	Lương Trần Tố	Quyên	200,000	
28	12A05	Nguyễn Lữ Như	Quỳnh	500,000	
29	12A05	Võ Trương Trung	Sơn	500,000	
30	12A05	Phạm Cao	Thành	400,000	
31	12A05	Huỳnh Lê Minh	Thư	400,000	
32	12A05	Nguyễn Phạm Minh	Thư	400,000	
33	12A05	Lê Anh	Thy	400,000	
34	12A05	Nguyễn Đức	Tiến	400,000	
35	12A05	Nguyễn Ngọc Thuỳ	Trâm	200,000	
36	12A05	Mai Thị Yến	Trân	500,000	
37	12A05	Âu Lê Quang	Trí	500,000	
38	12A05	Trần Minh	Trí	200,000	
39	12A05	Võ Minh	Trí	200,000	
40	12A05	Đoàn Minh	Tuấn	200,000	
41	12A05	Nguyễn Thị Phương	Uyên	400,000	
42	12A05	Phan Hồng Khánh	Uyên	400,000	
43	12A05	Nguyễn Trần Thanh	Vân	400,000	
44	12A05	Bùi Ngọc Lan	Vi	400,000	
45	12A05	Nguyễn Ngọc Uyên	Vy	400,000	
				17,200,000	
1	12A06	Nguyễn Thái	An	400,000	
2	12A06	Nguyễn Xuân	An	200,000	
3	12A06	Lương Đỗ Trâm	Anh	200,000	
4	12A06	Nguyễn Mỹ Hạnh	Ân	400,000	
5	12A06	Đặng Trần Thái	Bảo	200,000	
6	12A06	Phạm Nguyễn Hoàng	Dũng	200,000	
7	12A06	Nguyễn Tấn	Đạt	400,000	
8	12A06	Nguyễn Thảo Nguyên	Giang	400,000	
9	12A06	Trần Hồng	Hân	400,000	
10	12A06	Trần Ngọc Gia	Hân	400,000	
11	12A06	Trương Nguyễn Thúy	Hàng	300,000	
12	12A06	Đào Trung	Hiếu	400,000	
13	12A06	Trương Đình Nhật	Huy	400,000	
14	12A06	Châu Nguyên	Khang	300,000	
15	12A06	Hà Quốc	Khánh	200,000	

STT	Lớp	HỌ	TÊN	Tiền	Ghi chú
16	12A06	Nguyễn Lê Kim	Khánh	400,000	
17	12A06	Nguyễn Quốc	Khánh	400,000	
18	12A06	Trần Nguyễn Đức	Khôi	400,000	
19	12A06	Ngô Thị Phương	Linh	400,000	
20	12A06	Đinh Lê Nhật	Minh	400,000	
21	12A06	Trương Hiền	Minh	400,000	
22	12A06	Lê Vũ Hải	My	400,000	
23	12A06	Nguyễn Ngọc Đường	Nghi	500,000	
24	12A06	Phạm Thị Bích	Ngọc	400,000	
25	12A06	Nguyễn Nhật Khôi	Nguyễn	400,000	
26	12A06	Nguyễn Hoàng Phi	Nguyễn	400,000	
27	12A06	Nguyễn Thanh	Nhật	400,000	
28	12A06	Hồ Thị Yến	Nhi	400,000	
29	12A06	Nguyễn Uyên	Nhi	500,000	
30	12A06	Trần Tấn	Phát	500,000	
31	12A06	Tổng Hoàng	Phú	400,000	
32	12A06	Trần Trọng	Phúc	400,000	
33	12A06	Nguyễn Vũ Uyên	Phương	400,000	
34	12A06	Nguyễn Minh	Quân	300,000	
35	12A06	Nguyễn Quang Minh	Quân	400,000	
36	12A06	Trần Thị Cẩm	Quyên	200,000	
37	12A06	Hồ Thu	Thảo	400,000	
38	12A06	Vũ Phạm Thanh	Thư	400,000	
39	12A06	Trần Ngọc Bảo	Trân	400,000	
40	12A06	Trịnh Xuân	Trường	300,000	
41	12A06	Võ Quang	Vũ	400,000	
				15,100,000	
1	12A07	La Quốc	Anh	400,000	
2	12A07	Lê Quốc Nam	Anh	200,000	
3	12A07	Nguyễn Thùy	Anh	200,000	
4	12A07	Nguyễn Ngọc Bảo	Châu	500,000	
5	12A07	Nguyễn Thùy	Diệu	200,000	
6	12A07	Trần Thị Xuân	Diệu	200,000	
7	12A07	Nguyễn Nhật	Dương	400,000	
8	12A07	Nguyễn Minh	Điền	400,000	
9	12A07	Phạm Minh	Đức	400,000	
10	12A07	Đỗ Quỳnh	Giang	400,000	
11	12A07	Nguyễn Mai	Hân	500,000	
12	12A07	Nguyễn Minh	Hòa	200,000	
13	12A07	Đặng Nguyên	Khang	500,000	
14	12A07	Hồ Lê Duy	Khang	200,000	
15	12A07	Phạm Võ Bảo	Khang	200,000	
16	12A07	Đặng Bá	Khôi	400,000	
17	12A07	Bùi Đặng Hoàng	Long	400,000	
18	12A07	Lê Nguyễn Xuân	Mai	400,000	

STT	Lớp	HỌ	TÊN	Tiền	Ghi chú
19	12A07	Đặng Phước Trà	My	200,000	
20	12A07	Phạm Hà	My	500,000	
21	12A07	Lâm Khôi	Nguyên	100,000	
22	12A07	Bùi Trần Yên	Nhi	200,000	
23	12A07	Hoàng Lê Quỳnh	Nhi	200,000	
24	12A07	Phạm Uyên	Nhi	200,000	
25	12A07	Vũ Thị Cẩm	Nhung	200,000	
26	12A07	Nguyễn Thị Thu	Phương	500,000	
27	12A07	Nguyễn Thị Anh	Thư	200,000	
28	12A07	Lý Niệm	Toàn	200,000	
29	12A07	Bùi Nguyễn Bảo	Trân	200,000	
30	12A07	Nguyễn Quốc	Trọng	200,000	
31	12A07	Nguyễn Ngọc Thanh	Trúc	400,000	
32	12A07	Phan Thiên	Trường	400,000	
33	12A07	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	200,000	
				10,000,000	
1	12A08	Trương Minh	An	400,000	
2	12A08	Nguyễn Kim	Anh	400,000	
3	12A08	Võ Quốc	Bảo	400,000	
4	12A08	Nguyễn Phan Tiến	Dũng	400,000	
5	12A08	Hoàng Vũ Mỹ	Duyên	400,000	
6	12A08	Võ Thành	Đạt	400,000	
7	12A08	Chu Ngọc Hải	Hà	400,000	
8	12A08	Tạ Tuấn	Hải	400,000	
9	12A08	Vũ Ngọc Bảo	Hân	400,000	
10	12A08	Nguyễn Tấn	Hưng	400,000	
11	12A08	Kim Thiên Phương	Khanh	400,000	
12	12A08	Huỳnh Nguyễn Anh	Khoa	200,000	
13	12A08	Vũ Huỳnh Đăng	Khôi	400,000	
14	12A08	Hồng Mộc Thiên	Kim	400,000	
15	12A08	Huỳnh Ngọc Thiên	Kim	400,000	
16	12A08	Cao Đỗ Anh	Kỳ	400,000	
17	12A08	Bùi Khánh	Linh	400,000	
18	12A08	Bùi Phương	Linh	400,000	
19	12A08	Đỗ Nguyễn Gia	Linh	400,000	
20	12A08	Nguyễn Hoài Phương	Linh	400,000	
21	12A08	Nguyễn Hoài Phương	Linh	400,000	
22	12A08	Vũ Thị Khánh	Linh	400,000	
23	12A08	Trần Tú	Mẫn	400,000	
24	12A08	Nguyễn Hồng Kim	Ngân	400,000	
25	12A08	Trần Hồng	Ngân	400,000	
26	12A08	Đinh Nguyễn Khánh	Ngọc	400,000	
27	12A08	Vũ Hoàng Minh	Ngọc	400,000	
28	12A08	Bùi Thanh	Nguyên	400,000	
29	12A08	Dương Trần Thảo	Nhi	400,000	

STT	Lớp	HỌ	TÊN	Tiền	Ghi chú
30	12A08	Trần Ngọc Quỳnh	Như	400,000	
31	12A08	Đặng Hưng	Quang	100,000	
32	12A08	Bùi Ngọc Diệu	Quyên	400,000	
33	12A08	Trần	Tâm	200,000	
34	12A08	Lê Huỳnh Phúc	Thịnh	900,000	
35	12A08	Nguyễn Phước	Thịnh	200,000	
36	12A08	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	400,000	
37	12A08	Nghiêm Đặng Thùy	Trang	400,000	
38	12A08	Phan Ngọc Yến	Trang	400,000	
39	12A08	Võ Phương	Trâm	400,000	
40	12A08	Trần Cao	Tường	400,000	
41	12A08	Phạm Thị Tường	Vy	400,000	
				16,000,000	
1	12A09	Lê Hồng	Anh	400,000	
2	12A09	Nguyễn Việt Vy	Anh	500,000	
3	12A09	Phạm Đình Đức	Anh	500,000	
4	12A09	Huỳnh Quốc	Bảo	400,000	
5	12A09	Nguyễn Chí	Công	400,000	
6	12A09	Phạm Thành	Danh	400,000	
7	12A09	Vũ	Duy	400,000	
8	12A09	Nguyễn Văn	Dự	400,000	
9	12A09	Đỗ Chiêm	Đạt	500,000	
10	12A09	Phạm Việt	Đức	400,000	
11	12A09	Phạm Thanh	Hân	400,000	
12	12A09	Lê Phúc	Hậu	400,000	
13	12A09	Lương Thị Thu	Hiền	400,000	
14	12A09	Phan Văn	Hiếu	400,000	
15	12A09	Nguyễn Đức	Hùng	500,000	
16	12A09	Cao Nguyễn Quốc	Huy	400,000	
17	12A09	Tôn Thất Gia	Huy	400,000	
18	12A09	Nguyễn Phú	Hưng	400,000	
19	12A09	Nguyễn Hoàng Minh	Kha	500,000	
20	12A09	Lê Vũ Hoàng	Khải	400,000	
21	12A09	Đào Duy	Khánh	400,000	
22	12A09	Nguyễn Tiến	Lộc	300,000	
23	12A09	Mang Viên Bình	Minh	400,000	
24	12A09	Nguyễn Hữu Gia	Minh	400,000	
25	12A09	Nguyễn Nhật	Minh	500,000	
26	12A09	Nguyễn Duy	Nam	400,000	
27	12A09	Lê Thị Thu	Ngân	400,000	
28	12A09	Thái Nguyễn Kim	Ngân	400,000	
29	12A09	Nguyễn Khánh	Ngọc	400,000	
30	12A09	Huỳnh Hồ Khánh	Nguyên	500,000	
31	12A09	Huỳnh Thị Yến	Nhi	400,000	
32	12A09	Nguyễn Tấn	Phát	400,000	

STT	Lớp	HỌ	TÊN	Tiền	Ghi chú
33	12A09	Trần Vinh	Quang	400,000	
34	12A09	Trương Đỗ Như	Quỳnh	400,000	
35	12A09	Lê Ngọc	Sương	400,000	
36	12A09	Nguyễn Thanh Phát	Thịnh	400,000	
37	12A09	Trần Trọng	Thuần	400,000	
38	12A09	Lê Minh	Thư	400,000	
39	12A09	Vũ Mạnh	Thương	400,000	
40	12A09	Nguyễn Đức	Tiến	400,000	
41	12A09	Nguyễn Minh	Tùng	400,000	
42	12A09	Huỳnh Nguyễn Thảo	Uyên	400,000	
43	12A09	Liều Thanh	Vy	400,000	
				17,800,000	
1	12A10	Nguyễn Thùy Lan	Anh	400,000	
2	12A10	Lưu Thành	Danh	400,000	
3	12A10	Nguyễn Thị Thùy	Dung	400,000	
4	12A10	Đỗ Tất	Đạt	400,000	
5	12A10	Quách Khánh	Đoan	200,000	
6	12A10	Lê Huỳnh Minh	Đức	400,000	
7	12A10	Đỗ Ngọc Bảo	Hân	400,000	
8	12A10	Phan Tuấn Gia	Hân	400,000	
9	12A10	Lương Ngọc Minh	Hằng	200,000	
10	12A10	Nguyễn Mạnh	Hùng	200,000	
11	12A10	Nguyễn Hoàng Lan	Hương	400,000	
12	12A10	Vũ Minh	Khang	400,000	
13	12A10	Đoàn Ngọc Tuấn	Khiêm	400,000	
14	12A10	Khổng Tuấn	Kỳ	700,000	
15	12A10	Nguyễn Mai Quỳnh	Linh	400,000	
16	12A10	Nguyễn Ngọc Phương	Linh	400,000	
17	12A10	Võ Khánh	Linh	400,000	
18	12A10	Nguyễn Vũ Mai	Ly	400,000	
19	12A10	Phan Đức	Mạnh	200,000	
20	12A10	Trương Nguyễn Uyên	My	400,000	
21	12A10	Trần Nguyễn Nhật	Nam	400,000	
22	12A10	Quách Nguyễn Mỹ	Ngọc	200,000	
23	12A10	Bùi Đặng Yến	Nhi	400,000	
24	12A10	Cao Nguyễn Đình	Phong	400,000	
25	12A10	Võ Hoa Hồng	Quý	400,000	
26	12A10	Nguyễn Thị Phương	Thảo	200,000	
27	12A10	Võ Hoa Hồng	Thiện	400,000	
28	12A10	Lê Thị Minh	Thư	400,000	
29	12A10	Nguyễn Anh	Thư	400,000	
30	12A10	Nguyễn Minh	Thư	400,000	
31	12A10	Nguyễn Ngọc Bích	Trâm	400,000	
32	12A10	Nguyễn Hoàng Lập	Văn	400,000	
33	12A10	Lê Bảo Tường	Vy	400,000	

STT	Lớp	HỌ	TÊN	Tiền	Ghi chú
34	12A10	Nguyễn Vô Khánh	Vy	400,000	
35	12A10	Trần Thị Như	Ý	400,000	
				13,100,000	
1	12A11	Nguyễn Thành Quốc	An	200,000	
2	12A11	Danh Vũ Loan	Anh	400,000	
3	12A11	Lê Hồng	Anh	400,000	
4	12A11	Nguyễn Vũ Ánh	Châu	500,000	
5	12A11	Lê Bửu	Chương	400,000	
6	12A11	Hồ Lê Hải	Hà	400,000	
7	12A11	Lê Nguyễn Bảo	Hân	400,000	
8	12A11	Vương Gia	Hòa	200,000	
9	12A11	Nguyễn Chánh	Hưng	400,000	
10	12A11	Nguyễn Tường Uyên	Khanh	200,000	
11	12A11	Trần Nguyễn Mạnh	Khôi	400,000	
12	12A11	Phạm Hải	Linh	400,000	
13	12A11	Nguyễn Thị Xuân	Mai	400,000	
14	12A11	Nguyễn Kim Như	Ngân	400,000	
15	12A11	Nguyễn Khánh	Ngọc	400,000	
16	12A11	Lê Phạm Phúc	Nguyên	400,000	
17	12A11	Châu Thị Yến	Nhi	200,000	
18	12A11	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	200,000	
19	12A11	Huỳnh Ngọc	Như	400,000	
20	12A11	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	400,000	
21	12A11	Trần Nguyễn Bảo	Quân	400,000	
22	12A11	Lê Phạm Ý	Tâm	1,150,000	
23	12A11	Nguyễn Đức	Thịnh	400,000	
24	12A11	Nguyễn Phạm Minh	Thư	400,000	
25	12A11	Trương Thanh	Thư	200,000	
26	12A11	Đinh Hoàng Khánh	Trang	400,000	
27	12A11	Nguyễn Ngọc Phương	Trinh	400,000	
28	12A11	Lê Hồng Thái	Tuấn	400,000	
29	12A11	Phạm Duy	Uyên	200,000	
30	12A11	Nguyễn Thị Yến	Vy	400,000	
31	12A11	Nguyễn Thành Diên	Vỹ	200,000	
32	12A11	Phùng Như	Ý	400,000	
33	12A11	Lưu Ngọc	Yến	400,000	
				12,450,000	
1	12A12	Doãn Hồ Phương	Anh	500,000	
2	12A12	Đinh Phương	Anh	400,000	
3	12A12	Nguyễn Đặng Bảo	Anh	300,000	
4	12A12	Nguyễn Ngọc Lan	Anh	200,000	
5	12A12	Phạm Gia	Bảo	450,000	
6	12A12	Huỳnh Nguyễn Vĩ	Cầm	450,000	
7	12A12	Huỳnh Bảo	Châu	300,000	
8	12A12	Nguyễn Trần Nguyên	Hạnh	200,000	

STT	Lớp	HỌ	TÊN	Tiền	Ghi chú
9	12A12	Phan Hồng	Hạnh	200,000	
10	12A12	Đoàn Bảo	Hân	1,200,000	
11	12A12	Hà Tiểu	Hân	200,000	
12	12A12	Lê Ngọc	Hân	300,000	
13	12A12	Phan Minh	Hoàng	400,000	
14	12A12	Bùi Gia Xuân	Hồng	600,000	
15	12A12	Trần Nhật	Huy	450,000	
16	12A12	Bùi Quang	Khải	400,000	
17	12A12	Trần Minh	Khang	400,000	
18	12A12	Lê Trần My	My	300,000	
19	12A12	Thạch Khánh	My	200,000	
20	12A12	Nguyễn Thị Thúy	Nga	250,000	
21	12A12	Cao Huỳnh Kim	Ngân	500,000	
22	12A12	Lê Nguyễn Khánh	Ngọc	400,000	
23	12A12	Nguyễn Minh Bảo	Ngọc	400,000	
24	12A12	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	400,000	
25	12A12	Bùi Uyển	Nhi	250,000	
26	12A12	Nguyễn Đoàn Tuyết	Nhi	30,000	
27	12A12	Lê Vũ Quỳnh	Như	600,000	
28	12A12	Thái Mỹ	Phụng	200,000	
29	12A12	Đỗ Lê Uyên	Phương	300,000	
30	12A12	Nguyễn Hồng	Phương	400,000	
31	12A12	Huỳnh Như	Quỳnh	300,000	
32	12A12	Doãn Quốc	Thanh	400,000	
33	12A12	Nguyễn Lê Thanh	Thảo	350,000	
34	12A12	Trần Phương	Thảo	700,000	
35	12A12	Đào Mạnh	Thiên	500,000	
36	12A12	Chu Thị Minh	Thư	350,000	
37	12A12	Doãn Minh	Thư	600,000	
38	12A12	Lê Anh	Thư	300,000	
39	12A12	Nguyễn Quỳnh Minh	Thư	300,000	
40	12A12	Nguyễn Thị Minh	Thư	200,000	
41	12A12	Nguyễn Hồ Ngọc	Trâm	500,000	
42	12A12	Trần Đình Bảo	Trân	500,000	
43	12A12	Ngô Phương	Vy	500,000	
44	12A12	Nguyễn Hoàng Minh	Vy	350,000	
45	12A12	Trương Huỳnh Kim	Yên	300,000	
				17,330,000	
1	12A13	Trần Gia	An	200,000	
2	12A13	Đinh Thị Kim	Anh	400,000	
3	12A13	Lê Nguyễn Nhật	Duy	400,000	
4	12A13	Đinh Ngọc Bảo	Hân	400,000	
5	12A13	Phạm Dương Trúc	Hân	400,000	
6	12A13	Ngô Thị Kim	Hoa	400,000	
7	12A13	Võ Ngọc Phương	Hoài	200,000	

STT	Lớp	HỌ	TÊN	Tiền	Ghi chú
8	12A13	Lê Nguyễn Hoàng	Huy	100,000	
9	12A13	Lương Vũ Gia	Huy	400,000	
10	12A13	Nguyễn Thị Trúc	Lãnh	400,000	
11	12A13	Trần Ngọc Gia	Linh	400,000	
12	12A13	Nguyễn Lê Thanh	Mai	400,000	
13	12A13	Ngô Mẫn	Nghi	400,000	
14	12A13	Thái Xuân	Nghi	200,000	
15	12A13	Nguyễn Bích	Ngọc	400,000	
16	12A13	Võ Hạo	Nguyên	400,000	
17	12A13	Thân Nguyệt	Nhi	400,000	
18	12A13	Bùi Quỳnh	Như	400,000	
19	12A13	Hoàng Tâm	Như	200,000	
20	12A13	Lại Võ Tâm	Như	200,000	
21	12A13	Nguyễn Ngọc Bảo	Như	200,000	
22	12A13	Võ Nguyễn Quỳnh	Như	400,000	
23	12A13	TRẦN MINH	PHÁT	400,000	
24	12A13	Trương Minh	Quân	200,000	
25	12A13	Nguyễn Ngọc	Quỳnh	200,000	
26	12A13	Phan Thị Thanh	Thảo	200,000	
27	12A13	Nguyễn Xuân Hoàn	Thiện	200,000	
28	12A13	Trần Thanh	Thiện	200,000	
29	12A13	Đinh Hồng Minh	Thư	400,000	
30	12A13	Nguyễn Đoàn Minh	Thư	200,000	
31	12A13	Nguyễn Minh	Thư	200,000	
32	12A13	Vũ Hoài	Thương	200,000	
33	12A13	Trần Đăng Yến	Thy	400,000	
34	12A13	Lê Ngọc Thảo	Trâm	400,000	
35	12A13	Bùi Ngọc Bảo	Trân	200,000	
36	12A13	Lê Quách Bảo	Trân	200,000	
37	12A13	Trần Thị Thanh	Trúc	100,000	
38	12A13	Nguyễn Lê	Tuấn	200,000	
39	12A13	Nguyễn Lê Trúc	Vi	200,000	
40	12A13	Đại Huỳnh Khánh	Vinh	400,000	
41	12A13	Huỳnh Nguyễn Phương	Vy	200,000	
				12,000,000	
1	12A14	Nguyễn Trần Thu	An	400,000	
2	12A14	Ngô Thị Lan	Anh	400,000	
3	12A14	Nguyễn Trần Châu	Anh	400,000	
4	12A14	Trương Thị Lan	Anh	400,000	
5	12A14	Vũ Ngọc Quỳnh	Anh	400,000	
6	12A14	Sang Gia	Bội	400,000	
7	12A14	Nguyễn Ngọc Minh	Châu	700,000	
8	12A14	Huỳnh Thiên	Chương	400,000	
9	12A14	Yu Ngọc	Doanh	400,000	
10	12A14	Nguyễn Quỳnh	Đan	400,000	

STT	Lớp	HỌ	TÊN	Tiền	Ghi chú
11	12A14	Trần Thị Phương	Giang	400,000	
12	12A14	Đào Ngọc	Hải	400,000	
13	12A14	Phạm Gia	Hân	400,000	
14	12A14	Nguyễn Mai	Hoa	400,000	
15	12A14	Tô Thanh	Hoàng	400,000	
16	12A14	Trần Võ Kim	Hương	200,000	
17	12A14	Võ Huy	Khánh	400,000	
18	12A14	Nguyễn Hà Như	Khuê	400,000	
19	12A14	Đinh Hoàng	Minh	200,000	
20	12A14	Nguyễn Kim A	My	400,000	
21	12A14	Phạm Hoàng	Nam	400,000	
22	12A14	Phạm Phương	Nghi	400,000	
23	12A14	Hòa Minh	Ngọc	400,000	
24	12A14	Ngô Hoàng Bảo	Ngọc	400,000	
25	12A14	Phạm Trương Bảo	Ngọc	400,000	
26	12A14	Trần Bảo	Ngọc	400,000	
27	12A14	Mai Phước	Nguyên	400,000	
28	12A14	Bùi Trương Uyên	Nhi	400,000	
29	12A14	Hà Đoàn Khánh	Nhu	400,000	
30	12A14	Hoàng Lan	Phương	400,000	
31	12A14	Lê Nguyễn Uyên	Phương	400,000	
32	12A14	Nguyễn Trần Nhật	Phương	400,000	
33	12A14	Nguyễn Hoàng Mỹ	Quỳnh	400,000	
34	12A14	Trương Thị Như	Quỳnh	200,000	
35	12A14	Phạm Minh	Tâm	400,000	
36	12A14	Huỳnh Anh	Thi	400,000	
37	12A14	Nguyễn Đăng Hương	Thùy	400,000	
38	12A14	Bùi Nguyễn Anh	Thư	200,000	
39	12A14	Võ Song	Toàn	400,000	
40	12A14	Ngô Nguyễn Bảo	Trân	400,000	
41	12A14	Vũ Minh	Trung	400,000	
42	12A14	Bùi Ngọc Thanh	Tú	400,000	
43	12A14	Lê Thị Tố	Vân	300,000	
44	12A14	Nguyễn Hoàng Thảo	Vy	400,000	
45	12A14	Phạm Thị Thanh	Xuân	400,000	
				17,400,000	
1	11B01	Hoàng Ngọc Diệu	An	500,000	
2	11B01	Lê Ngọc Minh	An	200,000	
3	11B01	Phạm Thị Phương	An	200,000	
4	11B01	Lê Trung	Anh	200,000	
5	11B01	Nguyễn Hoàng Thảo	Anh	200,000	
6	11B01	Võ Lê Bảo	Châu	200,000	
7	11B01	Trần Thị Bích	Huệ	200,000	
8	11B01	Phạm Quang	Huy	300,000	
9	11B01	Đặng Hoàng Gia	Linh	500,000	

STT	Lớp	HỌ	TÊN	Tiền	Ghi chú
10	11B01	Hồ Lưu Gia	Linh	200,000	
11	11B01	Nguyễn Huỳnh Khánh	Linh	200,000	
12	11B01	Huỳnh Hoàng Bảo	Ly	200,000	
13	11B01	Lê Phương	Mai	300,000	
14	11B01	Nguyễn Hữu	Minh	500,000	
15	11B01	Nguyễn Thanh	Ngân	300,000	
16	11B01	Hồ Bảo	Nghi	200,000	
17	11B01	Lê Trần Phúc	Nghi	300,000	
18	11B01	Lê Bảo	Ngọc	300,000	
19	11B01	Nguyễn Thanh Hồng	Ngọc	300,000	
20	11B01	Nguyễn Thị Như	Ngọc	200,000	
21	11B01	Trần Đăng Minh	Nhật	500,000	
22	11B01	Huỳnh Hoài	Nhi	200,000	
23	11B01	Phạm Nguyễn Trúc	Nhi	500,000	
24	11B01	Nguyễn Hải	Phong	200,000	
25	11B01	Trần Thanh	Phúc	200,000	
26	11B01	Lê Hồng	Phương	500,000	
27	11B01	Đặng Minh	Quân	500,000	
28	11B01	Lương Ngô Diễm	Quỳnh	200,000	
29	11B01	Nguyễn Văn Trinh	Tài	200,000	
30	11B01	Phan Lê Anh	Thư	300,000	
31	11B01	Vũ Hoàng Bảo	Thy	300,000	
32	11B01	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	200,000	
33	11B01	Vũ Ngọc Phương	Trinh	200,000	
34	11B01	Trần Thanh	Tuyền	200,000	
35	11B01	Lê Ngọc Thảo	Vy	300,000	
				10,000,000	
1	11B02	Nguyễn Thị Minh	Anh	200,000	
2	11B02	Trần Phạm Gia	Bảo	400,000	
3	11B02	Bùi Thị Mỹ	Dung	200,000	
4	11B02	Trương Thị	Dung	200,000	
5	11B02	Ngô Thiên	Đặng	400,000	
6	11B02	Lý Kim	Hân	400,000	
7	11B02	Nguyễn Phan Bảo	Hân	400,000	
8	11B02	Trương Như	Hằng	400,000	
9	11B02	Huỳnh Lê Khánh	Huyền	400,000	
10	11B02	Lê Đàm Vĩnh	Hưng	400,000	
11	11B02	Lê Hoàng	Khang	400,000	
12	11B02	Nguyễn Bảo Đăng	Khoa	400,000	
13	11B02	Nguyễn Sanh	Khoa	400,000	
14	11B02	Nguyễn Tuấn	Khôi	400,000	
15	11B02	Nguyễn Lê Hoàng	Mai	400,000	
16	11B02	Nguyễn Minh	Ngọc	400,000	
17	11B02	Hồ Thị	Như	400,000	
18	11B02	Lê Nguyễn Quỳnh	Như	400,000	

STT	Lớp	HỌ	TÊN	Tiền	Ghi chú
19	11B02	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như	400,000	
20	11B02	Trần Phương Hoàng	Oanh	400,000	
21	11B02	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	400,000	
22	11B02	Nguyễn Thị Hạnh	Tâm	400,000	
23	11B02	Nguyễn Thị Thu	Thanh	400,000	
24	11B02	Lê Thanh	Thảo	400,000	
25	11B02	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	400,000	
26	11B02	Nguyễn Hồ Bảo	Thy	400,000	
27	11B02	Nguyễn Thủy	Tiên	400,000	
28	11B02	Trần Thị Thu	Trang	400,000	
29	11B02	Nguyễn Ngọc Bảo	Trân	400,000	
30	11B02	Đỗ Thị Như	Trinh	400,000	
31	11B02	Nguyễn Đào Bảo	Uyên	400,000	
32	11B02	Đặng Khánh	Vy	400,000	
33	11B02	Võ Ngọc Thảo	Vy	400,000	
34	11B02	Vũ Đoàn Phương	Vy	400,000	
				13,000,000	
1	11B03	Nguyễn Ngọc Tâm	Anh	400,000	
2	11B03	Phạm Châu	Anh	300,000	
3	11B03	Văn Quỳnh	Anh	400,000	
4	11B03	Vũ Hà	Anh	300,000	
5	11B03	Trần Lê Anh	Bảo	300,000	
6	11B03	Trần Ngọc	Châm	300,000	
7	11B03	Quý	Chương	400,000	
8	11B03	Nguyễn Ngọc Linh	Đan	200,000	
9	11B03	Trương Nguyễn Thành	Đạt	400,000	
10	11B03	Huỳnh Gia	Hân	100,000	
11	11B03	Võ Quang	Hiển	300,000	
12	11B03	Bùi Xuân	Hoàng	200,000	
13	11B03	Mai Hoàng Gia	Huy	100,000	
14	11B03	Võ Đăng	Khoa	300,000	
15	11B03	Nguyễn Minh	Khôi	400,000	
16	11B03	Phan Phạm Nhật	Khuê	300,000	
17	11B03	Mai Diệu	Linh	200,000	
18	11B03	Hà Nhật	Nam	400,000	
19	11B03	Nguyễn Huỳnh Bảo	Ngân	300,000	
20	11B03	Nguyễn Thành	Nhân	100,000	
21	11B03	Nguyễn Trọng	Nhân	200,000	
22	11B03	Nguyễn Hoàng Yến	Nhi	400,000	
23	11B03	Nguyễn Gia	Phát	400,000	
24	11B03	Nguyễn Huỳnh Tiến	Phát	200,000	
25	11B03	Vũ Văn	Phong	500,000	
26	11B03	Phan Nhật Hoàng	Phước	200,000	
27	11B03	Trần Thị Hà	Phương	400,000	
28	11B03	Nguyễn Như	Quỳnh	200,000	

STT	Lớp	HỌ	TÊN	Tiền	Ghi chú
29	11B03	Nguyễn Tuấn	Tài	300,000	
30	11B03	Lê Văn	Tâm	300,000	
31	11B03	Nguyễn Minh	Thành	400,000	
32	11B03	Đoàn Nguyễn Đan	Thùy	400,000	
33	11B03	Đinh Thị Minh	Thư	300,000	
34	11B03	Trần Đức	Toàn	200,000	
35	11B03	Lê Thị Bích	Trâm	200,000	
36	11B03	Đặng Nguyễn Minh	Trí	200,000	
37	11B03	Phạm Minh	Trí	100,000	
38	11B03	Vũ Phạm Vân	Trình	300,000	
39	11B03	Lý Thanh	Trúc	100,000	
40	11B03	Cao Hoàng Anh	Tuấn	400,000	
41	11B03	Nguyễn Vi	Vân	400,000	
42	11B03	Đinh Quang	Vũ	500,000	
43	11B03	Võ Trần Thảo	Vy	500,000	
44	11B03	Trần Đỗ Văn	Vỹ	200,000	
				13,000,000	
1	11B04	Lê Thị Hồng	Anh	400,000	
2	11B04	Võ Nguyễn Hồng	Ánh	500,000	
3	11B04	Cao Phương	Bắc	400,000	
4	11B04	Lê Nguyễn Tiến	Đức	400,000	
5	11B04	Nguyễn Khánh	Hà	400,000	
6	11B04	Bùi Phạm Gia	Hân	400,000	
7	11B04	Nguyễn Huỳnh Bảo	Hân	400,000	
8	11B04	Trần Văn	Hiếu	200,000	
9	11B04	Trịnh Trung	Hiếu	400,000	
10	11B04	Huỳnh Gia	Huy	400,000	
11	11B04	Nguyễn Đức	Huy	400,000	
12	11B04	Lương Ngọc Quế	Hương	400,000	
13	11B04	Nguyễn Đăng	Khoa	400,000	
14	11B04	Trần Lê Anh	Khoa	400,000	
15	11B04	Nguyễn Thiên	Khôi	200,000	
16	11B04	Nguyễn Lê Tuấn	Kiệt	400,000	
17	11B04	Ngô Thị Mai	Lan	400,000	
18	11B04	Đỗ Hoàng	Lực	500,000	
19	11B04	Đoàn Quang	Minh	400,000	
20	11B04	Nguyễn Công	Minh	400,000	
21	11B04	Nguyễn Phúc	Minh	400,000	
22	11B04	Võ Huỳnh Chí	Minh	400,000	
23	11B04	Đỗ Nguyễn Xuân	Nghi	200,000	
24	11B04	Nguyễn Phạm Thảo	Nhi	400,000	
25	11B04	Trần Nguyễn Hà	Nhiên	400,000	
26	11B04	Nguyễn Tấn	Phát	400,000	
27	11B04	Trần Văn Hòa	Phát	400,000	
28	11B04	Phan Xuân	Phú	400,000	

STT	Lớp	HỌ	TÊN	Tiền	Ghi chú
29	11B04	Trần Viết Thiên	Phú	400,000	
30	11B04	Huỳnh Nguyễn Ngọc	Phước	200,000	
31	11B04	Huỳnh Nhật Bảo	Phương	400,000	
32	11B04	Nguyễn Tiết Khánh	Quỳnh	400,000	
33	11B04	Đỗ Cao	Thái	400,000	
34	11B04	Vũ Phương	Thảo	400,000	
35	11B04	Trịnh Quốc	Thiện	400,000	
36	11B04	Lý Anh	Thư	400,000	
37	11B04	Phạm Minh	Trí	400,000	
38	11B04	Tăng Hữu	Trí	400,000	
39	11B04	Lại Ngọc Phương	Trinh	400,000	
40	11B04	Nguyễn Ngọc Phương	Trinh	400,000	
41	11B04	Phạm Thanh	Trúc	500,000	
42	11B04	Nguyễn Huỳnh Anh	Tuân	400,000	
43	11B04	Nguyễn Thế	Vinh	400,000	
				16,700,000	
1	11B05	Nguyễn Tấn Thiên	An	200,000	
2	11B05	Lê Đức	Anh	200,000	
3	11B05	Võ Kiều	Anh	300,000	
4	11B05	Đặng Thị Minh	Ánh	200,000	
5	11B05	Văn Phú Ngọc	Bảo	200,000	
6	11B05	Hoàng Nguyên	Bình	400,000	
7	11B05	Huỳnh Thị Ngọc	Cầm	300,000	
8	11B05	Nguyễn Thị Hoàng	Châu	400,000	
9	11B05	Huỳnh Bảo	Duy	100,000	
10	11B05	Lê Vũ Khánh	Duy	400,000	
11	11B05	Đỗ Tấn	Đại	100,000	
12	11B05	Nguyễn Phước	Đạt	200,000	
13	11B05	Lê Ngọc Trung	Hiếu	200,000	
14	11B05	Trần	Hiếu	200,000	
15	11B05	Phạm Nguyễn Thanh	Hùng	300,000	
16	11B05	Vũ Nguyễn Việt	Khanh	400,000	
17	11B05	Nguyễn Hoàng Kim	Khánh	400,000	
18	11B05	Dương Nguyên	Khoa	400,000	
19	11B05	Tô Phạm Anh	Khôi	400,000	
20	11B05	Vũ Trung	Kiên	200,000	
21	11B05	Hà Lê Hồng	Lam	300,000	
22	11B05	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	400,000	
23	11B05	Võ Ngọc Hà	My	200,000	
24	11B05	Lý Nguyên	Mỹ	400,000	
25	11B05	Ngô Thanh	Ngân	400,000	
26	11B05	Trần Thanh	Ngân	200,000	
27	11B05	Trần Minh	Nghĩa	400,000	
28	11B05	Đặng Như	Ngọc	100,000	
29	11B05	Nguyễn Trí	Nguyên	300,000	

STT	Lớp	HỌ	TÊN	Tiền	Ghi chú
30	11B05	Võ Huỳnh Đại	Nhân	300,000	
31	11B05	Phan Trần Minh	Nhật	300,000	
32	11B05	Lê Ngọc Ý	Nhi	400,000	
33	11B05	Huỳnh Đức	Phát	200,000	
34	11B05	Phan Phú	Phong	400,000	
35	11B05	Cao Minh	Phú	200,000	
36	11B05	Phạm Gia	Phúc	400,000	
37	11B05	Đỗ Thùy	Quyên	400,000	
38	11B05	Trương Quốc	Sang	300,000	
39	11B05	Phạm Ngọc Phương	Thảo	200,000	
40	11B05	Tô Ngọc Minh	Thảo	300,000	
41	11B05	Phan Nguyễn Anh	Thư	300,000	
42	11B05	Nguyễn Ngọc Minh	Thy	200,000	
43	11B05	Nguyễn Quang	Trọng	400,000	
44	11B05	Nguyễn Công	Tuấn	300,000	
45	11B05	Hà Ngọc	Tỷ	200,000	
46	11B05	Khuru Quốc	Việt	300,000	
				13,300,000	
1	11B06	Lã Ngọc Quỳnh	Anh	200,000	
2	11B06	Trần Hoàng Phương	Anh	200,000	
3	11B06	Lê Phan Gia	Bảo	400,000	
4	11B06	Kiều Minh	Châu	400,000	
5	11B06	Trần Anh	Chương	1,000,000	
6	11B06	Nguyễn Thị Phương	Dung	400,000	
7	11B06	Nguyễn Trần Tiến	Đạt	400,000	
8	11B06	Nguyễn Thanh	Đồng	400,000	
9	11B06	Trương Văn	Hà	400,000	
10	11B06	Sân Trí	Hào	200,000	
11	11B06	Phạm Văn Gia	Hân	500,000	
12	11B06	Trần Cao	Huy	400,000	
13	11B06	Hồ Quỳnh	Hương	400,000	
14	11B06	Nguyễn Trần Nguyên	Khang	400,000	
15	11B06	Thân Trọng	Khang	200,000	
16	11B06	Võ Đặng Gia	Khiêm	400,000	
17	11B06	Đỗ Hải	Long	700,000	
18	11B06	Lương Thanh	Mạnh	500,000	
19	11B06	Nguyễn Hiền	Minh	400,000	
20	11B06	Phạm Đức	Minh	400,000	
21	11B06	Nguyễn Lê Trà	My	400,000	
22	11B06	Nguyễn Văn Nhật	Nam	400,000	
23	11B06	Trần Ngọc Bảo	Nghi	400,000	
24	11B06	Nguyễn Hồng Nhiên	Ngọc	200,000	
25	11B06	Nguyễn Hồng	Như	400,000	
26	11B06	Trịnh Quốc	Phát	400,000	
27	11B06	Trịnh Thế	Phát	400,000	

STT	Lớp	HỌ	TÊN	Tiền	Ghi chú
28	11B06	Võ Nguyễn Thiên	Phú	400,000	
29	11B06	Nguyễn Tấn	Phúc	400,000	
30	11B06	Huỳnh Mai	Phương	500,000	
31	11B06	Phùng Thanh	Phương	400,000	
32	11B06	Đặng Hoàng	Quân	400,000	
33	11B06	Lê Minh	Quân	200,000	
34	11B06	Huỳnh Phạm Diễm	Quỳnh	400,000	
35	11B06	Huỳnh Đức	Thành	400,000	
36	11B06	Lê Nguyễn Thiên	Thiên	400,000	
37	11B06	Nguyễn Trí	Thiện	400,000	
38	11B06	Lê Ngọc Duyên	Thơ	400,000	
39	11B06	Nguyễn Phan Minh	Thư	400,000	
40	11B06	Nguyễn Trần Anh	Thư	400,000	
41	11B06	Hoàng Thủy	Tiên	400,000	
42	11B06	Phạm Huỳnh Bảo	Trân	200,000	
43	11B06	Phạm Đoàn Minh	Trí	400,000	
44	11B06	Lê Hoàng	Vương	400,000	
45	11B06	Nguyễn Trần Tuyết	Vy	400,000	
46	11B06	Nguyễn Võ Kiều	Vy	200,000	
				18,000,000	
1	11B07	Nguyễn Đức	Anh	200,000	
2	11B07	Phan Hoàng Vân	Anh	200,000	
3	11B07	Trần Hồ Trâm	Anh	200,000	
4	11B07	Hoàng Gia	Bảo	200,000	
5	11B07	Ngô Phan Ngọc	Hân	200,000	
6	11B07	Trần Khải	Hoàn	200,000	
7	11B07	Lê Gia	Huy	200,000	
8	11B07	Phạm Tiến	Hưng	200,000	
9	11B07	Bùi Võ Anh	Khoa	200,000	
10	11B07	Tôn Thất	Khoa	200,000	
11	11B07	Nguyễn Nhật Mai	Khôi	200,000	
12	11B07	Trương Nguyễn Anh	Kiệt	200,000	
13	11B07	Nguyễn Thảo	Linh	200,000	
14	11B07	Nguyễn Đình Phú	Lợi	200,000	
15	11B07	Lê Nguyễn Bảo	Nam	200,000	
16	11B07	Trương Cẩm Tú	Nga	200,000	
17	11B07	Lê Thanh	Nguyên	200,000	
18	11B07	Nguyễn Ngọc Uyên	Nhi	200,000	
19	11B07	Nguyễn Quỳnh	Như	200,000	
20	11B07	Nguyễn Quỳnh	Như	200,000	
21	11B07	Nguyễn Đức	Phát	200,000	
22	11B07	Nguyễn Trần Gia	Phú	200,000	
23	11B07	Nguyễn Đình	Quân	200,000	
24	11B07	Nguyễn Minh	Quân	200,000	
25	11B07	Văn Anh	Quân	200,000	

STT	Lớp	HỌ	TÊN	Tiền	Ghi chú
26	11B07	Nguyễn Hoàng Tú	Quyên	200,000	
27	11B07	Đinh Gia	Quỳnh	200,000	
28	11B07	Nguyễn Trần Mai	Quỳnh	200,000	
29	11B07	Võ Ngọc Như	Quỳnh	200,000	
30	11B07	Đỗ Phát Thành	Tài	200,000	
31	11B07	Trần Nguyễn Lê Anh	Tài	200,000	
32	11B07	Tsu Minh	Tài	200,000	
33	11B07	Hoàng Minh	Thành	200,000	
34	11B07	Đinh Quang	Thịnh	200,000	
35	11B07	Vũ Nguyễn Đức	Thịnh	200,000	
36	11B07	Lê Ngọc Anh	Thư	200,000	
37	11B07	Trịnh Nguyên	Trang	200,000	
38	11B07	Nguyễn Hà Bảo	Trân	200,000	
39	11B07	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	200,000	
40	11B07	Nguyễn Dung Phương	Uyên	200,000	
41	11B07	Võ Phương	Vi	200,000	
42	11B07	Lâm Phi	Vũ	200,000	
				8,400,000	
1	11B08	Nguyễn Quốc	An	100,000	
2	11B08	Lại Minh	Anh	200,000	
3	11B08	Nguyễn Hải	Anh	200,000	
4	11B08	Đặng Thụy Minh	Châu	400,000	
5	11B08	Huỳnh Chi	Chi	400,000	
6	11B08	Lê Trần Tấn	Đạt	200,000	
7	11B08	Nguyễn Thanh Trí	Đức	400,000	
8	11B08	Trần Hoàng Gia	Hân	200,000	
9	11B08	Nguyễn Văn Mỹ	Hiệp	400,000	
10	11B08	Hoàng Đình	Hùng	400,000	
11	11B08	Văn Vĩnh	Hùng	200,000	
12	11B08	Vũ Gia	Hưng	400,000	
13	11B08	Võ Lương Phước	Khánh	500,000	
14	11B08	Lê Đăng	Khoa	300,000	
15	11B08	Nguyễn Anh	Khoa	400,000	
16	11B08	Nguyễn Hoàng	Kiên	200,000	
17	11B08	Phan Anh	Kiệt	700,000	
18	11B08	Phạm Thanh	Liêm	700,000	
19	11B08	Vòng Ngọc Mỹ	Linh	400,000	
20	11B08	Phan Kim	Loan	100,000	
21	11B08	Bùi Kiều	My	400,000	
22	11B08	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	300,000	
23	11B08	Châu Chánh	Nghị	400,000	
24	11B08	Bùi Việt	Nghĩa	600,000	
25	11B08	Trần Thanh	Ngọc	400,000	
26	11B08	Dương Phúc	Nguyên	100,000	
27	11B08	Võ Nguyễn Vĩ	Nguyên	400,000	

STT	Lớp	HỌ	TÊN	Tiền	Ghi chú
28	11B08	Cao Thị Tuyết	Nhi	400,000	
29	11B08	Trịnh Thị Yến	Nhi	400,000	
30	11B08	Ngô Quỳnh	Như	600,000	
31	11B08	Bùi Thị Mai	Phương	100,000	
32	11B08	Nguyễn Minh	Quang	400,000	
33	11B08	Nguyễn Minh	Quân	300,000	
34	11B08	Lê Thị Mỹ	Quyên	400,000	
35	11B08	Nguyễn Phú	Thịnh	400,000	
36	11B08	Nguyễn Anh	Thư	100,000	
37	11B08	Nguyễn Khánh	Toàn	500,000	
38	11B08	Ngô Hoàng	Trí	500,000	
39	11B08	Lê Đức Bảo	Trúc	400,000	
40	11B08	Nguyễn Quang	Trường	400,000	
41	11B08	Nguyễn Minh	Tuân	300,000	
42	11B08	Nguyễn Trần Ngọc	Uyên	400,000	
43	11B08	Nguyễn Vũ Quốc	Vương	400,000	
				15,400,000	
1	11B09	Ngô Vy	Anh	400,000	
2	11B09	Phạm Đặng Vân	Anh	400,000	
3	11B09	Lại Phạm Quốc	Bảo	200,000	
4	11B09	Trần Gia	Bảo	200,000	
5	11B09	Trần Đức	Dương	400,000	
6	11B09	Phạm Ngọc Khánh	Đoan	200,000	
7	11B09	Nguyễn Ngọc Thanh	Hà	400,000	
8	11B09	Hà Nguyễn Gia	Hân	200,000	
9	11B09	Lưu Đình	Hoàng	400,000	
10	11B09	Nguyễn Lê Minh	Hoàng	400,000	
11	11B09	Phạm Nguyễn Ánh	Hồng	400,000	
12	11B09	Lê Huỳnh Đức	Huy	200,000	
13	11B09	Phạm Gia	Huy	400,000	
14	11B09	Phan Quốc Khang	Huy	200,000	
15	11B09	Nguyễn Phan Bảo	Khanh	200,000	
16	11B09	Lê Vũ Quốc	Khánh	400,000	
17	11B09	Nguyễn Trí	Khoa	400,000	
18	11B09	Hoàng Ngọc Minh	Khôi	200,000	
19	11B09	Nguyễn Thị Ngọc	Lan	400,000	
20	11B09	Nguyễn Lê Hoàng	Long	400,000	
21	11B09	Lý Minh	Lợi	200,000	
22	11B09	Lê Phan Gia	Minh	400,000	
23	11B09	Nguyễn Thu	Ngân	400,000	
24	11B09	Đoàn Quang	Nhân	400,000	
25	11B09	Nguyễn Ngọc Uyển	Nhi	400,000	
26	11B09	Đỗ Hoàng	Quân	400,000	
27	11B09	Nguyễn Hồ Minh	Tâm	400,000	
28	11B09	Lê Trần Thanh	Thúy	400,000	

STT	Lớp	HỌ	TÊN	Tiền	Ghi chú
29	11B09	Nguyễn Huỳnh Anh	Thư	400,000	
30	11B09	Lê Trung	Tín	200,000	
31	11B09	Phạm Quang	Tuấn	400,000	
32	11B09	Huỳnh Như	Tuyền	200,000	
				10,600,000	
1	11B10	Nguyễn Thị Phương	Anh	200,000	
2	11B10	Phí Tuấn	Anh	400,000	
3	11B10	Lê Nguyễn Quốc	Bảo	200,000	
4	11B10	Lý Gia	Bảo	200,000	
5	11B10	Nguyễn Hoàng	Chương	200,000	
6	11B10	Trịnh Ngọc	Danh	1,000,000	
7	11B10	Hồ Ngọc	Duy	200,000	
8	11B10	Nguyễn Hoàng Anh	Duy	700,000	
9	11B10	Phạm Thị Mỹ	Duyên	600,000	
10	11B10	Nguyễn Ngọc Anh	Đào	300,000	
11	11B10	Dương Mỹ	Hà	300,000	
12	11B10	Trần Nguyễn Minh	Hào	400,000	
13	11B10	Dương Ngọc Bảo	Hân	200,000	
14	11B10	Vương Gia	Hân	300,000	
15	11B10	Nguyễn Thị Quỳnh	Hoa	200,000	
16	11B10	Nguyễn Lê Phước	Hòa	300,000	
17	11B10	Phạm Gia	Huy	700,000	
18	11B10	Phan Xuân	Huy	400,000	
19	11B10	Lê Duy	Khang	300,000	
20	11B10	Thiều Gia	Khánh	200,000	
21	11B10	Trần Tuấn	Kiệt	300,000	
22	11B10	Trương Minh	Kiệt	300,000	
23	11B10	Phạm Hoàng Mỹ	Kim	400,000	
24	11B10	Trương Đặng Tiến	Minh	700,000	
25	11B10	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	300,000	
26	11B10	Lê Khôi	Nguyên	400,000	
27	11B10	Lê Thành	Nhân	200,000	
28	11B10	Võ Khâu Tuyết	Nhi	100,000	
29	11B10	Lê Hoàng Thiên	Phát	300,000	
30	11B10	Âu Linh	San	400,000	
31	11B10	Thân Nguyễn Đức	Son	200,000	
32	11B10	Trịnh Minh	Tài	200,000	
33	11B10	Huỳnh Đức Phương	Thảo	300,000	
34	11B10	Nguyễn Đức Trường	Thịnh	1,000,000	
35	11B10	Nguyễn Phúc	Thịnh	300,000	
36	11B10	Nguyễn Tất	Thịnh	200,000	
37	11B10	Chung Lê Minh	Thư	200,000	
38	11B10	Nguyễn Võ Anh	Thư	700,000	
39	11B10	Phạm Vũ Quỳnh	Thư	200,000	
40	11B10	Mai Ngọc	Tiên	300,000	

STT	Lớp	HỌ	TÊN	Tiền	Ghi chú
41	11B10	Hồ Minh	Triết	200,000	
42	11B10	Trịnh Thanh	Trúc	200,000	
43	11B10	Hồ Ngọc Khánh	Uyên	200,000	
44	11B10	Phạm Nguyễn Tổ	Uyên	600,000	
45	11B10	Cao Thanh	Vân	400,000	
46	11B10	Nguyễn Thị Thảo	Vân	200,000	
				16,100,000	
1	11B11	Lê Hoàng	Anh	400,000	
2	11B11	Nguyễn Hoàng Phương	Anh	400,000	
3	11B11	Trương Hoàng Nhã	Anh	400,000	
4	11B11	Nguyễn Hoàng	Ân	400,000	
5	11B11	Trần Ngọc Thiên	Ân	200,000	
6	11B11	Lê Gia	Bảo	400,000	
7	11B11	Trần Gia	Bảo	400,000	
8	11B11	Lê Quang	Chính	200,000	
9	11B11	Trần Bảo	Duy	200,000	
10	11B11	Nguyễn Linh	Đan	400,000	
11	11B11	Đồng Vương Bảo	Đạt	400,000	
12	11B11	Huỳnh Gia	Đạt	400,000	
13	11B11	Nguyễn Hồ Bảo	Hân	400,000	
14	11B11	Man Huỳnh Bách	Hợp	400,000	
15	11B11	Nguyễn Đức	Huy	200,000	
16	11B11	Phạm Đình	Huy	400,000	
17	11B11	Nguyễn Đình	Khôi	400,000	
18	11B11	Dương Tuấn	Kiệt	400,000	
19	11B11	Nghiêm Đặng Thùy	Linh	400,000	
20	11B11	Thái Duy	Lợi	400,000	
21	11B11	Nguyễn Phạm Phương	Mai	400,000	
22	11B11	Lý Công Hiền	Minh	400,000	
23	11B11	Nguyễn Quang	Minh	400,000	
24	11B11	Nguyễn Thu	Minh	400,000	
25	11B11	Đào Phương Thảo	Nhi	400,000	
26	11B11	Phạm Hoàng	Phát	400,000	
27	11B11	Đỗ Minh	Phúc	400,000	
28	11B11	Võ Hữu	Phúc	400,000	
29	11B11	Châu Lê Khánh	Phương	400,000	
30	11B11	Nguyễn Đắc Nhật	Quang	400,000	
31	11B11	Nguyễn Song	Quỳnh	400,000	
32	11B11	Nguyễn Hồ Quốc	Sơn	400,000	
33	11B11	Nguyễn Ngọc Đăng	Tâm	400,000	
34	11B11	Lê Quốc	Thái	200,000	
35	11B11	Trần Thị Như	Thoại	400,000	
36	11B11	Trần Tấn	Thông	400,000	
37	11B11	Lê Thanh	Thủy	400,000	
38	11B11	Trần Hoàng Bảo	Thy	400,000	

STT	Lớp	HỌ	TÊN	Tiền	Ghi chú
39	11B11	Võ Trần Bảo	Trân	400,000	
40	11B11	Nguyễn Minh	Trí	400,000	
41	11B11	Nguyễn Trần Thuý	Trúc	400,000	
42	11B11	Nguyễn Anh	Tuấn	400,000	
43	11B11	Hồ Hoàng Phương	Uyên	400,000	
44	11B11	Nguyễn Thế	Vinh	400,000	
45	11B11	Nguyễn Mỹ	Vy	200,000	
				16,800,000	
1	11B12	Nguyễn Tường	An	300,000	
2	11B12	Nguyễn Xuân	An	400,000	
3	11B12	Nguyễn Phạm Minh	Anh	400,000	
4	11B12	Phan Tuấn	Anh	400,000	
5	11B12	Bùi Quốc	Bảo	400,000	
6	11B12	Nguyễn Ngọc	Bích	400,000	
7	11B12	Trần Thị Thùy	Dương	400,000	
8	11B12	Võ Lê Tiến	Đạt	400,000	
9	11B12	Nguyễn Minh	Đức	400,000	
10	11B12	Nguyễn Như Anh	Hào	400,000	
11	11B12	Lê Trung	Hiếu	400,000	
12	11B12	Ngô Nguyên	Kha	400,000	
13	11B12	Trương Duy	Khải	400,000	
14	11B12	Nguyễn Lê Nguyên	Khang	400,000	
15	11B12	Nguyễn Ngọc	Khánh	400,000	
16	11B12	Đỗ Trọng	Khoa	400,000	
17	11B12	Hoàng Khánh	Linh	400,000	
18	11B12	Trần Ngọc Ánh	Linh	400,000	
19	11B12	Hồ Minh	Long	400,000	
20	11B12	Đặng Quang	Minh	400,000	
21	11B12	Lê Văn	Minh	300,000	
22	11B12	Vũ Quang	Minh	400,000	
23	11B12	Huỳnh Nhật	Nam	400,000	
24	11B12	Lê Kim	Ngân	400,000	
25	11B12	Trương Thanh	Ngân	400,000	
26	11B12	Phan Lê Bảo	Ngọc	200,000	
27	11B12	Trần Thị Yến	Ngọc	400,000	
28	11B12	Nguyễn Đình An	Nguyên	400,000	
29	11B12	Trần Quang Minh	Nhật	400,000	
30	11B12	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	400,000	
31	11B12	Nguyễn Tấn	Phú	200,000	
32	11B12	Lê Hoàng	Phúc	400,000	
33	11B12	Trần Thành	Phúc	400,000	
34	11B12	Võ Nguyễn Mai	Phương	400,000	
35	11B12	Võ Công	Thành	400,000	
36	11B12	Ngô Hoàng Anh	Thư	400,000	
37	11B12	Trương Nguyễn Thu	Trang	400,000	

STT	Lớp	HỌ	TÊN	Tiền	Ghi chú
38	11B12	Huỳnh Bảo	Trân	400,000	
39	11B12	Trần Minh	Trí	200,000	
40	11B12	Nguyễn Hoài	Trung	400,000	
41	11B12	Phạm Trần Minh	Tuấn	400,000	
42	11B12	Vòng Quang	Tuyên	400,000	
43	11B12	Phạm Khánh	Vân	400,000	
44	11B12	Trần Nguyễn Tường	Vy	400,000	
45	11B12	Nguyễn Thị Hải	Yến	400,000	
				17,200,000	
1	11B13	Nguyễn Thị Kim	Anh	400,000	
2	11B13	Trần Diệu	Anh	400,000	
3	11B13	Nguyễn Ngọc Minh	Châu	200,000	
4	11B13	Đinh Hương	Giang	400,000	
5	11B13	Hà Gia	Hân	400,000	
6	11B13	Hồ Ngọc	Hân	400,000	
7	11B13	Nguyễn Thị Thu	Huyền	400,000	
8	11B13	Huỳnh Mai Thanh	Hưng	400,000	
9	11B13	Nguyễn Huy	Kha	400,000	
10	11B13	Nguyễn Vĩ	Khang	400,000	
11	11B13	Trần Đăng	Khoa	400,000	
12	11B13	Lý Tú	Linh	400,000	
13	11B13	Đặng Hoàng	Long	400,000	
14	11B13	Hồ Phan Phúc	Lộc	400,000	
15	11B13	Nguyễn Quốc	Lộc	200,000	
16	11B13	Lê Phương	Mai	400,000	
17	11B13	Trương Khánh	Mai	400,000	
18	11B13	Phan Thảo	Minh	400,000	
19	11B13	Văn Đức	Minh	400,000	
20	11B13	Lại Ngọc Kim	Ngân	200,000	
21	11B13	Lê Thanh	Ngân	400,000	
22	11B13	Nguyễn Châu Thanh	Ngọc	400,000	
23	11B13	Nguyễn Lê Yến	Ngọc	200,000	
24	11B13	Nguyễn Minh	Ngọc	400,000	
25	11B13	Lê Thảo	Nguyên	400,000	
26	11B13	Phạm Đức	Nguyên	200,000	
27	11B13	Lưu Trí	Nhân	200,000	
28	11B13	Nguyễn Quang Minh	Nhật	200,000	
29	11B13	Hồ Thanh Hoàng	Nhi	400,000	
30	11B13	Bùi Hà Mai	Nhiên	400,000	
31	11B13	Bùi Quỳnh	Như	400,000	
32	11B13	Nguyễn Trịnh Hồng	Phúc	200,000	
33	11B13	Nguyễn Trịnh Thanh	Phúc	200,000	
34	11B13	Đặng Bích	Quyên	400,000	
35	11B13	Nguyễn	Tài	400,000	
36	11B13	Nguyễn Phương	Thảo	200,000	

STT	Lớp	HỌ	TÊN	Tiền	Ghi chú
37	11B13	Quách Phương	Thuận	400,000	
38	11B13	Trịnh Đức	Thuận	400,000	
39	11B13	Võ Thị Minh	Thúy	400,000	
40	11B13	Ngô Bảo	Trâm	400,000	
41	11B13	Đặng Bảo	Trân	400,000	
42	11B13	Nguyễn Thành	Trung	400,000	
43	11B13	Vòng Tịnh	Văn	400,000	
44	11B13	Trần My Ái	Viên	400,000	
				15,600,000	
1	11B14	Lê Phúc	Anh	200,000	
2	11B14	Mai Thế	Anh	100,000	
3	11B14	Trịnh Hoàng Ngọc	Ánh	200,000	
4	11B14	Ngô Duy	Bảo	100,000	
5	11B14	Trần Đoàn Mỹ	Duyên	100,000	
6	11B14	Cao Thùy	Dương	100,000	
7	11B14	Hồ Ngọc Quỳnh	Giang	200,000	
8	11B14	Lê Ngọc	Hân	200,000	
9	11B14	Nguyễn Đỗ Phi	Hân	100,000	
10	11B14	Nguyễn Gia	Hân	200,000	
11	11B14	Vũ Phúc Minh	Khang	866,000	
12	11B14	Nguyễn Hoàng	Long	100,000	
13	11B14	Nguyễn Hữu	Long	200,000	
14	11B14	Trần Quang	Long	200,000	
15	11B14	Đinh Cao Ngọc	Mai	100,000	
16	11B14	Võ Hoàng	Minh	766,000	
17	11B14	Nguyễn Trần Kim	Ngân	100,000	
18	11B14	Nguyễn Du	Nghi	1,168,000	
19	11B14	Nguyễn Trần Bảo	Nghi	100,000	
20	11B14	Vòng Gia	Nghi	200,000	
21	11B14	Lê Kim	Ngọc	350,000	
22	11B14	Lê Trần Bảo	Ngọc	200,000	
23	11B14	Nguyễn Thị Thanh	Ngọc	100,000	
24	11B14	Vũ Bình	Nguyên	100,000	
25	11B14	Nguyễn Lê Quỳnh	Như	100,000	
26	11B14	Vi	Phát	200,000	
27	11B14	Lê Nguyễn Thiên	Phúc	200,000	
28	11B14	Nguyễn Minh	Quang	200,000	
29	11B14	Bùi Xuân	Quỳnh	100,000	
30	11B14	Huỳnh Trần Minh	Tâm	100,000	
31	11B14	Hồ Anh	Thảo	200,000	
32	11B14	Trần Hồ Minh	Thắng	100,000	
33	11B14	Lê Nguyễn Xuân	Thùy	100,000	
34	11B14	Huỳnh Minh	Thư	100,000	
35	11B14	Nguyễn Anh	Thư	100,000	
36	11B14	Phạm Vũ Uyên	Trâm	100,000	

STT	Lớp	HỌ	TÊN	Tiền	Ghi chú
37	11B14	Trần Hoàng Bảo	Trí	100,000	
38	11B14	Trần Thị Thùy	Trinh	100,000	
39	11B14	Tổng Quang	Vinh	200,000	
40	11B14	Nguyễn Châu Nhật	Vy	200,000	
41	11B14	Trương Nguyễn Hải	Yến	200,000	
				8,450,000	
1	11B15	Nguyễn Đào Quốc	Anh	400,000	
2	11B15	Nguyễn Lê Trâm	Anh	400,000	
3	11B15	Nguyễn Gia	Ân	400,000	
4	11B15	Đỗ Quốc	Bảo	400,000	
5	11B15	Phạm Trần Thành	Chương	400,000	
6	11B15	Kha Ái	Duyên	400,000	
7	11B15	Đặng Vũ Ánh	Dương	400,000	
8	11B15	Nguyễn Thị linh	Đan	400,000	
9	11B15	Nguyễn Tiến	Đăng	400,000	
10	11B15	Lâm Hoàng	Gia	400,000	
11	11B15	Võ Hoàng	Giang	400,000	
12	11B15	Đinh Hoàng Bảo	Hân	400,000	
13	11B15	Lâm Bảo	Hân	400,000	
14	11B15	Lê Nguyễn Gia	Hân	400,000	
15	11B15	Lưu Thiên	Hòa	400,000	
16	11B15	Thiều Kim	Hoàng	400,000	
17	11B15	Lê Viết	Hưng	400,000	
18	11B15	Nguyễn Đức	Khải	400,000	
19	11B15	Nguyễn Gia	Khang	400,000	
20	11B15	Trần Nhật	Khánh	400,000	
21	11B15	Phùng Khang	Kiệt	400,000	
22	11B15	Đỗ Phạm Hoàng	Kim	400,000	
23	11B15	Nguyễn Phương	Linh	400,000	
24	11B15	Huỳnh Ngọc Bảo	Long	200,000	
25	11B15	Nguyễn Cửu	Long	400,000	
26	11B15	Trương Nguyễn Phương	Mai	400,000	
27	11B15	Nguyễn Hoàng Bình	Minh	400,000	
28	11B15	Võ Uyên	Minh	400,000	
29	11B15	Đoàn Trịnh Phương	Na	400,000	
30	11B15	Nguyễn Thị Yến	Ngọc	400,000	
31	11B15	Trần Lương Bảo	Ngọc	400,000	
32	11B15	Dương Mai Hoàng	Nguyên	400,000	
33	11B15	Trần Phước	Nhân	400,000	
34	11B15	Nguyễn Ngọc Bảo	Nhi	400,000	
35	11B15	Võ Nguyễn An	Nhiên	400,000	
36	11B15	Vũ Tiến	Phát	400,000	
37	11B15	Vũ Gia Hoàng	Phúc	400,000	
38	11B15	Nguyễn Huy	Phước	400,000	
39	11B15	Bùi Phạm Minh	Thư	400,000	

STT	Lớp	HỌ	TÊN	Tiền	Ghi chú
40	11B15	Lê Đặng Thùy	Trâm	400,000	
41	11B15	Nguyễn Hoàng Anh	Trí	100,000	
42	11B15	Nguyễn Hữu Khánh	Trình	400,000	
43	11B15	Lâm Thị Tố	Uyên	400,000	
44	11B15	Chung Mỹ	Văn	100,000	
45	11B15	Nguyễn Thị Ái	Vy	400,000	
				17,200,000	
1	11B16	Lê Minh	Anh	400,000	
2	11B16	Tô Bội	Ân	400,000	
3	11B16	Lưu Nguyễn Thùy	Dương	400,000	
4	11B16	Phan Ánh	Dương	400,000	
5	11B16	Lê Nguyễn Tấn	Đức	400,000	
6	11B16	Lưu Văn Thiện	Huỳnh	400,000	
7	11B16	Đoàn Minh	Khang	400,000	
8	11B16	Hoàng Bích	Khuê	400,000	
9	11B16	Nguyễn Tấn	Lộc	400,000	
10	11B16	Nguyễn Văn	Lực	400,000	
11	11B16	Huỳnh Xuân	Nghi	400,000	
12	11B16	Trần Thanh	Ngọc	200,000	
13	11B16	Đinh Phạm Quốc	Nhật	400,000	
14	11B16	Nguyễn Đỗ Phương	Nhi	200,000	
15	11B16	Phạm Lê Uyên	Nhi	300,000	
16	11B16	Hồ Tân Hồng	Phước	200,000	
17	11B16	Lê Hà	Phương	400,000	
18	11B16	Nguyễn Hà Ngọc	Phượng	200,000	
19	11B16	Phạm Thái	Quý	300,000	
20	11B16	Trần Ngọc Tú	Quyên	200,000	
21	11B16	Trần Kính	Tài	200,000	
22	11B16	Nguyễn Phương	Tâm	200,000	
23	11B16	Trần Tiến	Thành	400,000	
24	11B16	Huỳnh Hoàng Anh	Thư	200,000	
25	11B16	Nguyễn Minh	Thư	200,000	
26	11B16	Võ Ngọc Bảo	Trân	400,000	
27	11B16	Nguyễn Mậu	Tuân	400,000	
28	11B16	Nguyễn Phạm Thanh	Tùng	400,000	
29	11B16	Phạm Ngọc Như	Ý	400,000	
				9,600,000	
1	11B17	Nguyễn Quang Hải	Anh	300,000	
2	11B17	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	400,000	
3	11B17	Võ Thiên	Bảo	400,000	
4	11B17	Nguyễn Gia Bảo	Châu	300,000	
5	11B17	Trần Nhật Khánh	Đoan	400,000	
6	11B17	Lê Gia	Hân	400,000	
7	11B17	Trần Gia	Hân	400,000	
8	11B17	Bùi Bảo	Huy	400,000	

STT	Lớp	HỌ	TÊN	Tiền	Ghi chú
9	11B17	Lê Trần Hữu	Khánh	400,000	
10	11B17	Lâm Dương Thị Hoàng	Kim	200,000	
11	11B17	Trần Thị Thúy	Linh	200,000	
12	11B17	Đỗ Kim	Long	200,000	
13	11B17	Mai Phương	Ly	400,000	
14	11B17	Phạm Ngọc	Nga	400,000	
15	11B17	Nguyễn Phương Bảo	Nghi	400,000	
16	11B17	Trương Trọng	Nghĩa	400,000	
17	11B17	Nguyễn Kim	Ngọc	200,000	
18	11B17	Nguyễn Võ Khánh	Ngọc	200,000	
19	11B17	Tô Phạm Gia	Nguyên	400,000	
20	11B17	Phùng Tuyết	Nhi	200,000	
21	11B17	Phan Xuân Phương	Như	400,000	
22	11B17	Ngô Hoàng	Phát	400,000	
23	11B17	Đào Thị Tố	Quyên	400,000	
24	11B17	Đỗ Nguyễn Đan	Quỳnh	300,000	
25	11B17	Vũ Đức Linh	Sang	400,000	
26	11B17	Đỗ Thanh	Thảo	400,000	
27	11B17	Võ Ngọc Anh	Thư	400,000	
28	11B17	Vũ Hoàng Minh	Thư	400,000	
29	11B17	Hoàng Đình	Toàn	400,000	
30	11B17	Nguyễn Hoàng Thanh	Trang	400,000	
31	11B17	Bùi Nguyễn Minh	Trâm	400,000	
32	11B17	Nguyễn Lê Mai	Trâm	400,000	
33	11B17	Hồ Việt	Triết	400,000	
34	11B17	Nguyễn Phương	Vy	400,000	
				12,100,000	
1	11B18	Nguyễn Hồng	Ân	200,000	
2	11B18	Nguyễn Võ Quỳnh	Chi	400,000	
3	11B18	Nguyễn Đỗ Kim	Dung	400,000	
4	11B18	Trần Ánh	Dương	400,000	
5	11B18	Lý Thoại	Đình	500,000	
6	11B18	Lê Quang Anh	Đức	500,000	
7	11B18	Nguyễn Minh	Kha	1,000,000	
8	11B18	Trương Đăng	Khôi	400,000	
9	11B18	Nguyễn Lê Thuý	Linh	400,000	
10	11B18	Nguyễn Nhật	Linh	400,000	
11	11B18	Trần Ngọc Hải	My	200,000	
12	11B18	Tân Bội	Ngân	200,000	
13	11B18	Nguyễn Minh	Ngọc	300,000	
14	11B18	Phạm Hoài Lê Khánh	Ngọc	200,000	
15	11B18	Đoàn Bảo	Nhi	400,000	
16	11B18	Lê Phạm Uyển	Nhi	400,000	
17	11B18	Phan Đặng Tuyết	Nhi	400,000	
18	11B18	Nguyễn Hoàng	Phú	200,000	

STT	Lớp	HỌ	TÊN	Tiền	Ghi chú
19	11B18	Nguyễn Hoàng Minh	Quân	400,000	
20	11B18	Lê Nguyễn Minh	Tâm	200,000	
21	11B18	Nguyễn Đỗ Như	Thùy	500,000	
22	11B18	Đặng Nguyễn Anh	Thư	400,000	
23	11B18	Nguyễn Ngọc Minh	Thư	400,000	
24	11B18	Phạm Nữ Minh	Thư	400,000	
25	11B18	Nguyễn Phan Hữu	Tín	400,000	
26	11B18	Lô Huỳnh Thùy	Trang	200,000	
27	11B18	Nguyễn Tổng Trí	Tuệ	400,000	
28	11B18	Nguyễn Ngọc Kim	Tuyến	400,000	
29	11B18	Nguyễn Hồ Phương	Uyên	400,000	
30	11B18	Lê Hữu Khánh	Vân	500,000	
				11,500,000	
1	10C01	Lê Thái	An	400,000	
2	10C01	Trần Thuý	An	400,000	
3	10C01	Nguyễn Phương	Anh	1,400,000	
4	10C01	Nguyễn Thị Trâm	Anh	400,000	
5	10C01	Phạm Ngọc	Anh	400,000	
6	10C01	Đinh Gia	Bảo	400,000	
7	10C01	Hồ Minh	Cường	400,000	
8	10C01	Nguyễn Trí	Dũng	200,000	
9	10C01	Trần Đức	Dũng	400,000	
10	10C01	Trần Thùy Mỹ	Duyên	400,000	
11	10C01	Lê Xuân Thành	Đạt	400,000	
12	10C01	Nguyễn Ngân	Hà	400,000	
13	10C01	Lê Khả	Hân	400,000	
14	10C01	Quách Ngọc Gia	Hân	400,000	
15	10C01	Vũ Thiên Hồng	Hoa	200,000	
16	10C01	Trần Huy	Hùng	400,000	
17	10C01	Quách Nguyễn Bá	Hưng	400,000	
18	10C01	Lê Chí	Khang	400,000	
19	10C01	Nguyễn Hoàng	Khanh	400,000	
20	10C01	Hoàng Nguyễn Ngọc	Khoa	400,000	
21	10C01	Đặng Cát	Lâm	400,000	
22	10C01	Nguyễn Trần Nhật	Linh	400,000	
23	10C01	Nguyễn Xuân	Mai	400,000	
24	10C01	Trần Nguyễn Hiếu	Minh	400,000	
25	10C01	Trần Quang	Minh	400,000	
26	10C01	Nguyễn Ngọc Phương	Nghi	200,000	
27	10C01	Lê Trần Yến	Ngọc	400,000	
28	10C01	Trần Lương Minh	Ngọc	400,000	
29	10C01	Đặng Nguyễn Thiện	Nhân	400,000	
30	10C01	Thái Bảo	Nhi	400,000	
31	10C01	Cao Đức	Phát	400,000	
32	10C01	Đoàn Vũ Thanh	Phong	400,000	

STT	Lớp	HỌ	TÊN	Tiền	Ghi chú
33	10C01	Nguyễn Lâm Hoàng	Phúc	400,000	
34	10C01	Trịnh Mai	Phúc	400,000	
35	10C01	Nguyễn Ngọc Huệ	Phương	200,000	
36	10C01	Trương Diễm	Quân	400,000	
37	10C01	Nguyễn Hữu	Tài	400,000	
38	10C01	Lê Hoàng Mỹ	Thanh	400,000	
39	10C01	Ngô Hoàng	Thiện	400,000	
40	10C01	Thái Minh	Thượng	400,000	
41	10C01	Nguyễn Thị Phương	Trang	400,000	
42	10C01	Đặng Minh	Trí	400,000	
43	10C01	Phan Ling Việt	Trung	400,000	
44	10C01	Đinh Ngọc Thanh	Vân	400,000	
				17,800,000	
1	10C02	Nguyễn Đặng Duy	An	400,000	
2	10C02	Cao Nhật	Anh	400,000	
3	10C02	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	400,000	
4	10C02	Phạm Gia	Bảo	400,000	
5	10C02	Lê Sỹ	Cường	400,000	
6	10C02	Tô Thùy	Dương	400,000	
7	10C02	Nguyễn Dương Minh	Đạt	300,000	
8	10C02	Nguyễn Tiến	Đạt	300,000	
9	10C02	Tô Thanh	Hân	400,000	
10	10C02	Trương Phạm Thu	Hoài	400,000	
11	10C02	Đặng Lê Gia	Huy	400,000	
12	10C02	Nguyễn Đức	Huy	400,000	
13	10C02	Ngô Võ Phương	Huyền	400,000	
14	10C02	Trần Sáng	Hưng	400,000	
15	10C02	Lê Hoàng An	Khang	400,000	
16	10C02	Nguyễn Đăng	Khoa	400,000	
17	10C02	Lâm Nguyên	Khôi	500,000	
18	10C02	Trương Thùy	Lâm	500,000	
19	10C02	Phạm Thanh	Mai	400,000	
20	10C02	Đoàn Tuệ	Minh	500,000	
21	10C02	Lê Trần Bảo	My	400,000	
22	10C02	Nguyễn Thanh	Nam	400,000	
23	10C02	Huỳnh Song	Ngân	400,000	
24	10C02	Tôn Nguyễn Đông	Nghi	200,000	
25	10C02	Lục Trọng	Nghĩa	400,000	
26	10C02	Lưu Hồng	Ngọc	400,000	
27	10C02	Nguyễn Đức	Nguyên	400,000	
28	10C02	Đỗ Thành	Nhân	500,000	
29	10C02	Huỳnh Ngọc Thảo	Nhi	400,000	
30	10C02	Hà Xuân	Phát	400,000	
31	10C02	Nguyễn Vũ Hoàng	Phúc	400,000	
32	10C02	Phan Lâm Uyên	Phương	400,000	

STT	Lớp	HỌ	TÊN	Tiền	Ghi chú
33	10C02	Nguyễn Thị Như	Quý	400,000	
34	10C02	Nguyễn Thành	Tài	400,000	
35	10C02	Lê Nhật	Tân	400,000	
36	10C02	Nguyễn Minh	Thiện	400,000	
37	10C02	Hồ Phạm Anh	Thy	400,000	
38	10C02	Nguyễn Vũ Thùy	Trang	400,000	
39	10C02	Nguyễn Nhật Minh	Trí	400,000	
40	10C02	Lê Nữ Kiều	Trường	400,000	
41	10C02	Bùi Quốc	Việt	400,000	
42	10C02	Nguyễn Hoàng Phương	Vy	400,000	
				16,800,000	
1	10C03	Nguyễn Đoàn Vy	An	400,000	
2	10C03	Đào Hà	Anh	400,000	
3	10C03	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	200,000	
4	10C03	Phan Phú	Dĩnh	400,000	
5	10C03	Võ Tấn	Dũng	400,000	
6	10C03	Trần Nguyễn Thùy	Dương	400,000	
7	10C03	Nguyễn Tiến	Đạt	400,000	
8	10C03	Đoàn Trương Gia	Hảo	400,000	
9	10C03	Trần Nguyễn Gia	Hân	400,000	
10	10C03	Nguyễn Huy	Hoàng	400,000	
11	10C03	Đỗ Nhật	Huy	400,000	
12	10C03	Phạm Ngọc Khánh	Huyền	300,000	
13	10C03	Lê Ngọc Quỳnh	Hương	500,000	
14	10C03	Ngô Gia	Khang	400,000	
15	10C03	Nguyễn Mai	Khanh	400,000	
16	10C03	Huỳnh Minh	Khánh	400,000	
17	10C03	Nguyễn Đình Anh	Khoa	400,000	
18	10C03	Nguyễn Lê Mạnh	Kiên	400,000	
19	10C03	Thái Bảo	Long	400,000	
20	10C03	Nguyễn Tăng	Lực	500,000	
21	10C03	Bùi Quang	Minh	400,000	
22	10C03	Nguyễn Trần Hải	My	400,000	
23	10C03	Mã Thị Thảo	Ngân	400,000	
24	10C03	Nguyễn Hải	Ngân	400,000	
25	10C03	Mai Bảo	Ngọc	400,000	
26	10C03	Lý Trung	Nguyên	400,000	
27	10C03	Trương Phan Phú	Nhân	300,000	
28	10C03	Lữ Xuân	Nhung	400,000	
29	10C03	Lê Hồ Thiên	Phát	200,000	
30	10C03	Đào Trọng	Phú	400,000	
31	10C03	Phạm Thái Thanh	Phương	500,000	
32	10C03	Chu Hoàng Diễm	Quỳnh	200,000	
33	10C03	Quan Như	Tâm	200,000	
34	10C03	Phạm Thị Phương	Thảo	400,000	

STT	Lớp	HỌ	TÊN	Tiền	Ghi chú
35	10C03	Đặng Đức	Thông	500,000	
36	10C03	Văn Quý	Thy	400,000	
37	10C03	Bùi Thủy	Tiên	400,000	
38	10C03	Lê Hoàng Ngọc	Trâm	400,000	
39	10C03	Lê Minh	Triết	400,000	
40	10C03	Nguyễn Chánh	Triết	200,000	
41	10C03	Lê Khả	Tú	400,000	
42	10C03	Thái Ngọc Tường	Vi	400,000	
43	10C03	Nguyễn Hoàng Phương	Vy	200,000	
				16,200,000	
1	10C04	Nguyễn Hải	An	700,000	
2	10C04	Phạm Quốc	Anh	400,000	
3	10C04	Phan Mai Tường	Anh	400,000	
4	10C04	Trần Lan	Anh	250,000	
5	10C04	Đặng Bảo	Châu	400,000	
6	10C04	Phan Bạch	Diệp	400,000	
7	10C04	Lê Minh	Duy	500,000	
8	10C04	Nguyễn Hữu Phi	Duy	300,000	
9	10C04	Lê Nguyễn Khánh	Đan	200,000	
10	10C04	Hoàng Trung	Hải	400,000	
11	10C04	Trần Phạm Gia	Hân	200,000	
12	10C04	Nguyễn Dương Minh	Hiếu	400,000	
13	10C04	Nguyễn Huy	Hoàng	400,000	
14	10C04	Nguyễn Quang Gia	Huy	400,000	
15	10C04	Trịnh Thanh	Huyền	400,000	
16	10C04	Nguyễn Huỳnh	Hương	400,000	
17	10C04	Bùi Vũ Đăng	Khoa	400,000	
18	10C04	Thân Đức	Kiên	400,000	
19	10C04	Đoàn Ngọc Khánh	Linh	300,000	
20	10C04	Vòng Diệu	Long	400,000	
21	10C04	Trịnh Lê Hoàng	Minh	200,000	
22	10C04	Nguyễn Hoàng	Nghĩa	400,000	
23	10C04	Nguyễn Bích	Ngọc	400,000	
24	10C04	Lý Võ Khôi	Nguyên	400,000	
25	10C04	Nguyễn Ái	Nhi	100,000	
26	10C04	Nguyễn Đặng Thư	Nhi	400,000	
27	10C04	Nguyễn Tấn	Phát	400,000	
28	10C04	Nguyễn Vĩnh	Phổ	400,000	
29	10C04	Nguyễn Gia	Phú	400,000	
30	10C04	Phạm Hoài	Phúc	400,000	
31	10C04	Trần Lê Thanh	Phương	400,000	
32	10C04	Lê Anh	Quân	400,000	
33	10C04	Nguyễn Ngọc Như	Quỳnh	400,000	
34	10C04	Lê Đức	Tân	400,000	
35	10C04	Võ Thị Phương	Thảo	400,000	

STT	Lớp	HỌ	TÊN	Tiền	Ghi chú
36	10C04	Đinh Quốc	Thông	400,000	
37	10C04	Đặng Hồng Tiên	Tiên	400,000	
38	10C04	Đoàn Sơn Ngọc	Trang	400,000	
39	10C04	Nguyễn Hồ Ngọc	Trâm	500,000	
40	10C04	Phạm Huỳnh Phương	Trâm	400,000	
41	10C04	Nguyễn Minh	Trúc	300,000	
42	10C04	Nguyễn Thanh	Tú	400,000	
43	10C04	Lê Mai	Vy	300,000	
44	10C04	Trịnh Nguyễn Tường	Vy	100,000	
				16,350,000	
1	10C05	Nguyễn Thị Phước	An	400,000	
2	10C05	Trần Văn	Anh	400,000	
3	10C05	Văn Quỳnh	Anh	400,000	
4	10C05	Nguyễn Trần Bảo	Châu	400,000	
5	10C05	Lê Minh	Duy	400,000	
6	10C05	Phạm Phúc Uyên	Đang	400,000	
7	10C05	Huỳnh Minh	Đức	200,000	
8	10C05	Ngô Gia	Hân	400,000	
9	10C05	Vũ Thuý	Hằng	400,000	
10	10C05	Phạm Minh	Hoàng	400,000	
11	10C05	Lê Hoàng	Huy	400,000	
12	10C05	Hà Quốc	Hưng	200,000	
13	10C05	Nguyễn Trọng Vĩnh	Khang	400,000	
14	10C05	Nguyễn Đình Quốc	Khánh	400,000	
15	10C05	Phan Mai Anh	Khoa	400,000	
16	10C05	Võ Đăng	Khoa	400,000	
17	10C05	Diệp Tuấn	Kiệt	400,000	
18	10C05	Hoàng Khánh	Linh	500,000	
19	10C05	Vũ Hoàng Vĩnh	Lộc	500,000	
20	10C05	Hồ Quang	Minh	400,000	
21	10C05	Võ Phú Nhã	My	400,000	
22	10C05	Phan Lê Bảo	Ngân	400,000	
23	10C05	Phan Thành	Nghĩa	500,000	
24	10C05	Trần Bảo	Ngọc	200,000	
25	10C05	Đoàn Nguyễn Phúc	Nguyên	200,000	
26	10C05	Cao Minh	Nhật	400,000	
27	10C05	Nguyễn Đỗ Uyên	Nhi	400,000	
28	10C05	Đinh Vũ Ái	Như	400,000	
29	10C05	Hoàng Diễm	Như	200,000	
30	10C05	Nguyễn Thiên	Phát	200,000	
31	10C05	Trương Công	Phú	400,000	
32	10C05	Trần Thiên	Phúc	400,000	
33	10C05	Lê Võ Nhật	Quang	400,000	
34	10C05	Vũ Phương	Thảo	400,000	
35	10C05	Trần Thanh	Thúy	400,000	

STT	Lớp	HỌ	TÊN	Tiền	Ghi chú
36	10C05	Nguyễn Minh	Thư	200,000	
37	10C05	Nguyễn Thị Phương	Trinh	400,000	
38	10C05	Trần Nam	Tú	400,000	
39	10C05	Nguyễn Minh	Vũ	400,000	
40	10C05	Trần Nguyễn Tường	Vy	400,000	
41	10C05	Hồ Thị Như	Ý	400,000	
				15,300,000	
1	10C06	Nguyễn Thịnh	An	200,000	
2	10C06	Nguyễn Hoàng Thục	Anh	500,000	
3	10C06	Nguyễn Tuấn	Anh	400,000	
4	10C06	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	400,000	
5	10C06	Trần Bảo	Châu	200,000	
6	10C06	Nguyễn Đức	Duy	400,000	
7	10C06	Huỳnh Bá	Đại	400,000	
8	10C06	Trịnh Hồng	Đức	200,000	
9	10C06	Nguyễn Phúc Gia	Hân	400,000	
10	10C06	Lê Gia	Huy	400,000	
11	10C06	Lê Trần Đức	Huy	400,000	
12	10C06	Hoàng Gia Phúc	Hưng	400,000	
13	10C06	Nguyễn Quốc	Hưng	400,000	
14	10C06	Vũ Hạnh Thiên	Hương	400,000	
15	10C06	Nguyễn Phúc	Khang	200,000	
16	10C06	Nguyễn Xuân	Khang	200,000	
17	10C06	Nguyễn Ngọc Anh	Khoa	400,000	
18	10C06	Phạm Văn Đăng	Khoa	200,000	
19	10C06	Nguyễn Tuấn	Kiệt	400,000	
20	10C06	Hoàng Thảo	Linh	400,000	
21	10C06	Lý Gia	Luân	400,000	
22	10C06	Lê Ngọc Từ	Minh	400,000	
23	10C06	Nguyễn Như Ánh	Ngọc	300,000	
24	10C06	Trần Bảo	Ngọc	400,000	
25	10C06	Nguyễn Tuấn	Nguyên	400,000	
26	10C06	Nguyễn Khánh	Nhật	200,000	
27	10C06	Nguyễn Nguyệt	Nhi	400,000	
28	10C06	Phạm Đăng Yển	Nhi	200,000	
29	10C06	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như	200,000	
30	10C06	Nguyễn Tiến	Phát	200,000	
31	10C06	Lê Gia	Phúc	400,000	
32	10C06	Nguyễn Ngọc Như	Phụng	400,000	
33	10C06	Trần Minh	Quang	500,000	
34	10C06	Võ Như	Quỳnh	400,000	
35	10C06	Phạm Bùi Minh	Tân	400,000	
36	10C06	Đỗ Lê Chiến	Thắng	200,000	
37	10C06	Vũ Thuý	Tiên	400,000	
38	10C06	Ngô Ngọc Bảo	Trân	200,000	

STT	Lớp	HỌ	TÊN	Tiền	Ghi chú
39	10C06	Bùi Ngọc Diễm	Vy	400,000	
40	10C06	Võ Phương	Vy	400,000	
				13,700,000	
1	10C07	Đỗ Ngọc Quỳnh	Anh	400,000	
2	10C07	Nguyễn Nhật	Anh	400,000	
3	10C07	Phan Thị Phương	Anh	400,000	
4	10C07	Trần Thiên	Ân	400,000	
5	10C07	Nguyễn Lương	Chấn	400,000	
6	10C07	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Chi	400,000	
7	10C07	Nguyễn Thu	Dung	400,000	
8	10C07	Hứa Đăng Hải	Đăng	400,000	
9	10C07	Nguyễn Phan Hương	Giang	400,000	
10	10C07	Nguyễn Tăng Nhã	Hân	300,000	
11	10C07	Hồ Lê Nhân	Huân	400,000	
12	10C07	Nguyễn Cao	Huân	400,000	
13	10C07	Lý Võ Gia	Huy	200,000	
14	10C07	Lê Long	Hưng	400,000	
15	10C07	Phạm Viết	Hữu	400,000	
16	10C07	Phan Trần Bảo	Khang	400,000	
17	10C07	Đoàn Nhật Anh	Khoa	400,000	
18	10C07	Mai Nguyễn Đăng	Khoa	100,000	
19	10C07	Nguyễn Tuấn	Kiệt	200,000	
20	10C07	Lê Hà	Linh	400,000	
21	10C07	Mai Lưu	Ly	400,000	
22	10C07	Hoàng Nhật	Nam	400,000	
23	10C07	Châu Gia	Nghi	400,000	
24	10C07	Bùi Hoàng Bảo	Ngọc	200,000	
25	10C07	Đỗ Lê Bích	Ngọc	400,000	
26	10C07	Tạ Minh Bình	Nguyên	400,000	
27	10C07	Nguyễn Minh	Nhật	400,000	
28	10C07	Phan Vĩnh	Nhật	400,000	
29	10C07	Phùng Thơ	Như	100,000	
30	10C07	Phan Huỳnh Gia	Phát	100,000	
31	10C07	Nguyễn Hoàng Gia	Phúc	400,000	
32	10C07	Lâm Trà Nam	Phương	400,000	
33	10C07	Nguyễn Thanh	Sang	400,000	
34	10C07	Nguyễn Đức	Tài	500,000	
35	10C07	Nguyễn Trọng	Tấn	400,000	
36	10C07	Phạm An	Thạnh	400,000	
37	10C07	Huỳnh Anh	Thư	400,000	
38	10C07	Phạm Nguyễn Bảo	Trân	400,000	
39	10C07	Nguyễn Ngọc Thuỷ	Trúc	400,000	
40	10C07	Nguyễn Ngọc Cát	Tường	400,000	
41	10C07	Đinh Lê Phương	Vy	300,000	
42	10C07	Đoàn Nguyên Khả	Yên	400,000	

STT	Lớp	HỌ	TÊN	Tiền	Ghi chú
				15,200,000	
1	10C08	Tô	An	200,000	
2	10C08	Nguyễn Nhật Kim	Anh	400,000	
3	10C08	Phạm Hà	Anh	400,000	
4	10C08	Nguyễn Hoàng	Bách	400,000	
5	10C08	Nguyễn Vũ Văn	Chương	400,000	
6	10C08	Nguyễn Đắc Tiến	Dũng	400,000	
7	10C08	Thái Châu Khánh	Duyên	200,000	
8	10C08	Nguyễn Liên	Hà	400,000	
9	10C08	Phạm Thị Gia	Hân	400,000	
10	10C08	Quang	Hiếu	400,000	
11	10C08	Đỗ Minh	Hùng	400,000	
12	10C08	Nguyễn Trương Mỹ	Hương	400,000	
13	10C08	Triệu Nam	Hy	400,000	
14	10C08	Nguyễn Công Thoại	Khanh	200,000	
15	10C08	Lương Quốc	Khánh	400,000	
16	10C08	Huỳnh Minh	Khôi	400,000	
17	10C08	Tôn Nữ Như	Khuê	400,000	
18	10C08	Huỳnh Khánh	Lam	400,000	
19	10C08	Nguyễn Thị Hà	Linh	200,000	
20	10C08	Hà Ngọc	Mai	400,000	
21	10C08	Phạm Nguyễn Trà	My	200,000	
22	10C08	Ngô Khải	Nam	400,000	
23	10C08	Võ Ngọc	Ngân	200,000	
24	10C08	Lê Nguyễn Gia	Nghi	400,000	
25	10C08	Lê Bảo	Ngọc	400,000	
26	10C08	Nguyễn Huỳnh Khánh	Ngọc	400,000	
27	10C08	Hứa Phương	Nguyệt	400,000	
28	10C08	Phan Minh	Nhật	400,000	
29	10C08	Võ Mai	Như	400,000	
30	10C08	Trần Trọng	Phát	400,000	
31	10C08	Nguyễn Khắc Duy	Phúc	400,000	
32	10C08	Nguyễn Hải Nam	Phương	200,000	
33	10C08	Lê Ngọc	Quân	400,000	
34	10C08	Lê Quang	Thái	200,000	
35	10C08	Trương Quang	Thi	400,000	
36	10C08	Đoàn Ngọc Minh	Thư	400,000	
37	10C08	Hoàng Hải Yến	Trang	200,000	
38	10C08	Bùi Xuân	Trí	400,000	
39	10C08	Nguyễn Hoàng	Trung	400,000	
40	10C08	Hồ Nguyễn Lan	Uyên	400,000	
41	10C08	Nguyễn Phương	Vi	400,000	
42	10C08	Huỳnh Trần Khánh	Vy	400,000	
43	10C08	Lê Ngọc Như	Ý	400,000	
				15,400,000	

STT	Lớp	HỌ	TÊN	Tiền	Ghi chú
1	10C09	Đỗ Trương Thái	An	600,000	
2	10C09	Nguyễn Quỳnh	Anh	400,000	
3	10C09	Nguyễn Vân	Anh	600,000	
4	10C09	Trịnh Trần Gia	Bảo	700,000	
5	10C09	Nguyễn Hoàng	Chinh	400,000	
6	10C09	Lê Quang	Dũng	300,000	
7	10C09	Đoàn Lê	Duy	600,000	
8	10C09	Lê Minh Cao	Dương	400,000	
9	10C09	Phan Phạm Hoàng	Gia	200,000	
10	10C09	Lưu Hương	Giang	600,000	
11	10C09	Huỳnh Thị Ngọc	Hân	400,000	
12	10C09	Nguyễn Minh	Hằng	400,000	
13	10C09	Dương Đình	Huy	400,000	
14	10C09	Kiều Gia	Huy	400,000	
15	10C09	Lữ Phi	Kha	800,000	
16	10C09	Trần Ngọc	Khánh	400,000	
17	10C09	Ngô Anh	Khôi	400,000	
18	10C09	Nguyễn Như	Lâm	700,000	
19	10C09	Khúc Phương	Linh	700,000	
20	10C09	Nguyễn Hồ Hiền	My	200,000	
21	10C09	Nguyễn Lê Bảo	Ngân	300,000	
22	10C09	Cù Liên	Nghi	400,000	
23	10C09	Đinh Thanh	Ngọc	400,000	
24	10C09	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	200,000	
25	10C09	Nguyễn Ngọc Ý	Nhi	400,000	
26	10C09	Nguyễn Thuận	Phát	700,000	
27	10C09	Trần Tuấn	Phát	300,000	
28	10C09	Lê Quang Thiên	Phú	250,000	
29	10C09	Lê Đoàn Bích	Phương	200,000	
30	10C09	Ngô Tất Anh	Quân	300,000	
31	10C09	Lê Nguyễn Ái	Quỳnh	500,000	
32	10C09	Ngô Minh	Tâm	400,000	
33	10C09	Phạm Hải	Thạch	400,000	
34	10C09	Võ Kiến	Thành	600,000	
35	10C09	Trần Mai Mỹ	Thùy	300,000	
36	10C09	Nguyễn Mai Minh	Thư	400,000	
37	10C09	Phan Xuân	Tiến	400,000	
38	10C09	Nguyễn Lê Phương	Trang	400,000	
39	10C09	Hoàng Minh	Trí	300,000	
40	10C09	Nguyễn Hoàng	Tuấn	400,000	
41	10C09	Nguyễn Lê Trúc	Vân	400,000	
42	10C09	Nguyễn Gia Bảo	Vy	400,000	
43	10C09	Nguyễn Hoàng Hà	Yên	400,000	
				18,350,000	
1	10C10	Lầu Phú	An	250,000	

STT	Lớp	HỌ	TÊN	Tiền	Ghi chú
2	10C10	Hồ Trâm	Anh	300,000	
3	10C10	Nguyễn Lương Hồng	Anh	1,000,000	
4	10C10	Dương Quỳnh Bảo	Châu	300,000	
5	10C10	Hoàng Hà	Dung	400,000	
6	10C10	Phan Trần Linh	Đan	200,000	
7	10C10	Lê Anh	Giang	300,000	
8	10C10	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Giang	150,000	
9	10C10	Dương Xuân	Hoa	200,000	
10	10C10	Đình Công Gia	Huy	300,000	
11	10C10	Lương Vũ An	Khang	200,000	
12	10C10	Mai Nguyễn Anh	Khoa	300,000	
13	10C10	Nguyễn Phúc	Kiên	300,000	
14	10C10	Trần	Lâm	300,000	
15	10C10	Lê Thị Phương	Linh	200,000	
16	10C10	Nguyễn Phát	Lộc	200,000	
17	10C10	Cao Nguyệt Hà	My	200,000	
18	10C10	Đông Nhật Diễm	My	100,000	
19	10C10	Huỳnh Tấn	Nam	300,000	
20	10C10	Lê Cao Kim	Ngân	300,000	
21	10C10	Phan Thị Thanh	Ngân	400,000	
22	10C10	Đoàn Lê Gia	Nghi	300,000	
23	10C10	Huỳnh Bảo	Ngọc	250,000	
24	10C10	Lê Yến	Ngọc	300,000	
25	10C10	Huỳnh Phúc	Nguyên	300,000	
26	10C10	Lê Đình	Nhân	300,000	
27	10C10	Trần Ngọc Bảo	Nhi	200,000	
28	10C10	Phạm Tấn	Phát	300,000	
29	10C10	Nguyễn Hoàng Gia	Phú	300,000	
30	10C10	Nguyễn Hà	Phương	300,000	
31	10C10	Nguyễn Hà	Quân	400,000	
32	10C10	Nguyễn Hồ Diễm	Quỳnh	300,000	
33	10C10	Phan Nữ Hoàng	Tâm	200,000	
34	10C10	Diệp Thanh	Thảo	300,000	
35	10C10	Phạm An	Thuyền	300,000	
36	10C10	Trần Hồ Anh	Thư	300,000	
37	10C10	Nguyễn Thái Đức	Toàn	300,000	
38	10C10	Trần Hoàng Yến	Trang	300,000	
39	10C10	Lê Trung	Trí	300,000	
40	10C10	Nguyễn Thị Thủy	Vân	300,000	
41	10C10	Dương Nguyễn Kiều	Vy	300,000	
42	10C10	Phan Nguyễn Tường	Vy	200,000	
43	10C10	Nguyễn Lê Thanh	Xuân	300,000	
44	10C10	Hà Gia	Yến	200,000	
45	10C10	Trần Hoàng Cát	Tường	100,000	
				12,850,000	

STT	Lớp	HỌ	TÊN	Tiền	Ghi chú
1	10C11	Lê Văn	An	400,000	
2	10C11	Nguyễn Thọ Châu	An	400,000	
3	10C11	Huỳnh Nguyễn Ngọc	Anh	400,000	
4	10C11	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Anh	400,000	
5	10C11	Lê Hoàng Ngọc	Ánh	400,000	
6	10C11	Nguyễn Minh	Châu	500,000	
7	10C11	Nguyễn Kim	Dung	400,000	
8	10C11	Ngô Trần Quốc	Duy	400,000	
9	10C11	Lê Trần Minh	Đạt	400,000	
10	10C11	Lê Vũ Hương	Giang	400,000	
11	10C11	Lương Tín	Hào	400,000	
12	10C11	Nguyễn Ngọc Bảo	Hân	400,000	
13	10C11	Trần Gia	Hoà	400,000	
14	10C11	Ngô Quý Đức	Huy	400,000	
15	10C11	Tăng Minh	Khang	400,000	
16	10C11	Nguyễn Đăng Duy	Khoa	400,000	
17	10C11	Lê Võ Thiên	Kim	400,000	
18	10C11	Trần Thuỳ	Lâm	400,000	
19	10C11	Nguyễn Ánh	Linh	400,000	
20	10C11	Trần Nguyễn Khánh	Linh	400,000	
21	10C11	Nguyễn Ngọc	Mai	400,000	
22	10C11	Nguyễn Trần An	Nam	400,000	
23	10C11	Trần Hoàng Hiếu	Ngân	400,000	
24	10C11	Võ Ngọc Kim	Ngân	400,000	
25	10C11	Hoàng Minh Bảo	Nghi	400,000	
26	10C11	Vương Bảo	Ngọc	400,000	
27	10C11	Vũ Nguyễn Khải	Nguyên	500,000	
28	10C11	Trần Trọng	Nhân	400,000	
29	10C11	Nguyễn Hoàng Linh	Như	200,000	
30	10C11	Trần Minh	Phú	400,000	
31	10C11	Nguyễn Đỗ Vinh	Quang	400,000	
32	10C11	Nguyễn Tú	Quyên	400,000	
33	10C11	Trần Thị Hương	Quỳnh	400,000	
34	10C11	Vũ Thị Minh	Tâm	400,000	
35	10C11	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	400,000	
36	10C11	Nguyễn Minh	Thy	400,000	
37	10C11	Trương Gia	Toàn	400,000	
38	10C11	Nguyễn Ngô Tú	Trâm	400,000	
39	10C11	Mai Nguyễn Minh	Trí	400,000	
40	10C11	Lê Nguyễn Mỹ	Uyên	400,000	
41	10C11	Trần Ngọc Thảo	Vi	400,000	
42	10C11	Nguyễn Văn Hữu	Vinh	400,000	
43	10C11	Đỗ Thị Thúy	Vy	200,000	
44	10C11	Phạm Phương	Vy	400,000	
				17,400,000	

STT	Lớp	HỌ	TÊN	Tiền	Ghi chú
1	10C12	Nguyễn Hà	An	400,000	
2	10C12	Lê Hồng	Anh	200,000	
3	10C12	Nguyễn Nhật	Anh	400,000	
4	10C12	Vũ Thị Vân	Anh	400,000	
5	10C12	Đặng Lâm Gia	Bảo	200,000	
6	10C12	Phạm Ngọc Bảo	Châu	400,000	
7	10C12	Nguyễn Ngọc Kim	Dung	400,000	
8	10C12	Nguyễn Dương Bảo	Duy	200,000	
9	10C12	Nguyễn Thị Ngọc	Điệp	400,000	
10	10C12	Lương Ngọc Sông	Giang	400,000	
11	10C12	Hà Gia	Hân	200,000	
12	10C12	Phạm Nguyễn Bảo	Hân	400,000	
13	10C12	Lai Nhất	Huy	400,000	
14	10C12	Nguyễn Gia	Huy	400,000	
15	10C12	Trần Thành	Huy	400,000	
16	10C12	Nguyễn Tấn	Hưng	200,000	
17	10C12	Huỳnh Nam	Khánh	400,000	
18	10C12	Huỳnh Gia	Khôi	400,000	
19	10C12	Lâm Nhã	Kỳ	200,000	
20	10C12	Phạm Hoàng Gia	Lạc	400,000	
21	10C12	Phan Gia	Linh	1,000,000	
22	10C12	Trần Trọng Đức	Minh	200,000	
23	10C12	Huỳnh Ngọc Uyển	My	400,000	
24	10C12	Phạm Đình	Nam	400,000	
25	10C12	Nguyễn Huỳnh Kim	Ngân	400,000	
26	10C12	Đàm Tuấn	Nghiêm	400,000	
27	10C12	Nguyễn Thanh	Ngọc	200,000	
28	10C12	Lâm Duy	Phát	400,000	
29	10C12	Trương Tiến	Phát	200,000	
30	10C12	Hà Tuyết Mai	Phương	400,000	
31	10C12	Lê Hoàng	Quân	400,000	
32	10C12	Đoàn Lại Như	Quỳnh	400,000	
33	10C12	Lý Minh	Tâm	200,000	
34	10C12	Nguyễn Hoàng Nhật	Tân	200,000	
35	10C12	Đỗ Minh	Thông	200,000	
36	10C12	Nguyễn Hoàng Kim	Thư	400,000	
37	10C12	Trần Bảo	Thy	400,000	
38	10C12	Trịnh Thị Mỹ	Trà	400,000	
39	10C12	Lê Đỗ Bảo	Trân	400,000	
40	10C12	Đặng Nguyễn Anh	Trọng	400,000	
41	10C12	Nguyễn Hồng Khánh	Vân	400,000	
42	10C12	Nguyễn Thành	Vinh	400,000	
43	10C12	Lê Ngọc Phương	Vy	400,000	
				15,400,000	
1	10C13	Lê Phạm Mai	Anh	200,000	

STT	Lớp	HỌ	TÊN	Tiền	Ghi chú
2	10C13	Nguyễn Quỳnh	Anh	200,000	
3	10C13	Trương Thiên Mỹ	Duyên	100,000	
4	10C13	Lê Hoàng Ngọc	Hân	200,000	
5	10C13	Phùng Ngọc Gia	Hân	100,000	
6	10C13	Phạm Nguyễn Thanh	Hằng	100,000	
7	10C13	Mai Hồ Minh	Huy	100,000	
8	10C13	Lại Vũ Minh	Khang	200,000	
9	10C13	Trần Anh	Khôi	200,000	
10	10C13	Lâm Thiên	Kim	100,000	
11	10C13	Trần Hải Thùy	Lâm	200,000	
12	10C13	Trương Gia	Linh	400,000	
13	10C13	Võ Tấn	Lộc	200,000	
14	10C13	Nguyễn Lê Thảo	My	200,000	
15	10C13	Đoàn Gia	Nghi	100,000	
16	10C13	Phạm Diễm	Ngọc	100,000	
17	10C13	Lê Trần Tương	Nhi	100,000	
18	10C13	Phạm Yến	Nhi	200,000	
19	10C13	Trương Thị Kim	Nhi	200,000	
20	10C13	Phạm Đặng Yến	Oanh	200,000	
21	10C13	Trần Quốc	Phú	400,000	
22	10C13	Huỳnh Nguyễn Hồng	Phúc	100,000	
23	10C13	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	200,000	
24	10C13	Nguyễn Nhật	Thành	200,000	
25	10C13	Võ Ngọc Trang	Thư	200,000	
26	10C13	Bùi Phạm Ngọc	Tiên	200,000	
27	10C13	Nguyễn Mạc Xuân	Tiên	200,000	
28	10C13	Đặng Lê Ngọc	Trâm	200,000	
29	10C13	Võ Nguyễn Minh	Triết	200,000	
30	10C13	Lê Nguyễn Phương	Uyên	200,000	
31	10C13	Huỳnh Ngọc Thanh	Vy	200,000	
32	10C13	Nguyễn Ngọc Trúc	Vy	200,000	
				5,900,000	
1	10C14	Nguyễn Hồng Quế	Anh	500,000	
2	10C14	Võ Quỳnh	Anh	500,000	
3	10C14	Lê Quang Vệ	Giang	500,000	
4	10C14	Nguyễn Minh	Hải	400,000	
5	10C14	Huỳnh Quang	Huy	100,000	
6	10C14	Hồ Gia	Hưng	200,000	
7	10C14	Nguyễn Hà Vĩnh	Khang	200,000	
8	10C14	Mai Trung	Kiên	500,000	
9	10C14	Nguyễn Ngọc Bảo	Lam	400,000	
10	10C14	Nguyễn Phạm Thanh	Mỹ	500,000	
11	10C14	Lê Khánh	Nam	500,000	
12	10C14	Nguyễn Trịnh Khánh	Ngân	400,000	
13	10C14	Nguyễn Thị Như	Ngọc	200,000	

STT	Lớp	HỌ	TÊN	Tiền	Ghi chú
14	10C14	Hứa Uyển	Nhi	400,000	
15	10C14	Nguyễn Ngọc Phương	Nhi	500,000	
16	10C14	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	500,000	
17	10C14	Đinh Lan Quỳnh	Như	500,000	
18	10C14	Nguyễn Hồng	Phát	500,000	
19	10C14	Đặng Thiên	Phú	400,000	
20	10C14	Lê Phan Gia	Phúc	500,000	
21	10C14	Lê Thị Mỹ	Phương	500,000	
22	10C14	Mai Anh	Quân	400,000	
23	10C14	Nguyễn Hải	Sang	500,000	
24	10C14	Nguyễn Thanh	Thảo	200,000	
25	10C14	Nguyễn Minh	Thư	500,000	
26	10C14	Võ Kim	Thư	200,000	
27	10C14	Nguyễn Bảo	Thy	400,000	
28	10C14	Nguyễn Thị Bảo	Trân	500,000	
29	10C14	Dương Thị Thanh	Trúc	400,000	
30	10C14	Đoàn Ngọc Bảo	Uyên	400,000	
31	10C14	Nguyễn Huỳnh Minh	Uyên	400,000	
32	10C14	Phan Thảo	Vy	400,000	
				13,000,000	
1	10C15	Lê Nguyễn Khánh	An	400,000	
2	10C15	Nguyễn Ngọc Minh	Anh	200,000	
3	10C15	Hoàng Thiên	Ân	400,000	
4	10C15	Lê Trung	Bảo	400,000	
5	10C15	Phan Thị Hoàng	Châu	200,000	
6	10C15	Đinh Bảo	Duy	400,000	
7	10C15	Lu Nhân	Đạt	400,000	
8	10C15	Phạm Ngọc Khánh	Đoan	400,000	
9	10C15	Trần Ngọc Thiên	Hà	200,000	
10	10C15	Bùi Thanh	Hiền	400,000	
11	10C15	Nguyễn Việt	Hoàng	400,000	
12	10C15	Trương Minh	Huy	400,000	
13	10C15	Lại Ngọc Quỳnh	Hương	400,000	
14	10C15	Dương Thế	Khang	400,000	
15	10C15	Tạ Vinh	Khang	400,000	
16	10C15	Lưu Đặng	Khánh	200,000	
17	10C15	Hồ Lê Minh	Khiết	400,000	
18	10C15	Phạm	Kiên	400,000	
19	10C15	Võ Ý	Lan	400,000	
20	10C15	Nguyễn Bảo	Long	400,000	
21	10C15	Nguyễn Huỳnh Xuân	Mai	400,000	
22	10C15	Phạm Hoàng Quang	Minh	400,000	
23	10C15	Đoàn Nguyễn Ngọc	My	400,000	
24	10C15	Trần Nguyễn Thanh	Nam	400,000	
25	10C15	Nguyễn Hoàng Bảo	Ngân	400,000	

STT	Lớp	HỌ	TÊN	Tiền	Ghi chú
26	10C15	Trương Kim	Ngân	400,000	
27	10C15	Nguyễn Hoàng Bảo	Ngọc	400,000	
28	10C15	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	400,000	
29	10C15	Đỗ Võ Huy	Phát	400,000	
30	10C15	Lê Vĩnh	Phúc	400,000	
31	10C15	Vương Hoàng	Phúc	200,000	
32	10C15	Lê Hoàng	Quân	400,000	
33	10C15	Phan Nguyễn Khánh	Quỳnh	400,000	
34	10C15	Trần Dương Tâm	Thắng	400,000	
35	10C15	Nguyễn Trần Thanh	Thiên	400,000	
36	10C15	Lương Gia	Thịnh	400,000	
37	10C15	Đinh Minh	Thư	400,000	
38	10C15	Đỗ Minh	Tiến	200,000	
39	10C15	Lê Đức	Trí	400,000	
40	10C15	Dương Ngọc Sơn	Tùng	400,000	
41	10C15	Lưu Thụy Lê	Vân	400,000	
42	10C15	Nguyễn Thế	Vinh	400,000	
43	10C15	Nguyễn Hồ Phương	Vy	400,000	
44	10C15	Tân Nguyễn Tường	Vy	400,000	
				16,400,000	
1	10C16	Nguyễn Phú	An	400,000	
2	10C16	Phạm Ngọc Gia	An	200,000	
3	10C16	Phan Vũ Tiến	Anh	200,000	
4	10C16	Nguyễn Phúc Hồng	Ân	1,000,000	
5	10C16	Lê Kim	Biển	400,000	
6	10C16	Lương Bích	Diệp	400,000	
7	10C16	Đỗ Trùng	Dương	400,000	
8	10C16	Ngô Hữu	Đạt	400,000	
9	10C16	Trần Trí	Đức	400,000	
10	10C16	Lý Gia	Hân	400,000	
11	10C16	Nguyễn Ngọc	Hiếu	200,000	
12	10C16	Hà Nguyên	Huân	400,000	
13	10C16	Phạm Nhật	Huy	400,000	
14	10C16	Nguyễn Thiên	Hương	400,000	
15	10C16	Lê Bảo	Khang	400,000	
16	10C16	Tăng Vĩnh	Khang	200,000	
17	10C16	Võ Quốc	Khánh	400,000	
18	10C16	Phạm Đình Anh	Khoa	500,000	
19	10C16	Lê Anh	Kiệt	400,000	
20	10C16	Vũ Hoàng Phương	Lan	400,000	
21	10C16	Nguyễn Đức	Long	400,000	
22	10C16	Đặng Nhật	Minh	400,000	
23	10C16	Cao Lê Khánh	My	400,000	
24	10C16	Lê Nguyễn Trà	My	400,000	
25	10C16	Nguyễn Nhật	Nam	200,000	

STT	Lớp	HỌ	TÊN	Tiền	Ghi chú
26	10C16	Lê Thanh	Nga	200,000	
27	10C16	Sầm Tuấn	Nghĩa	200,000	
28	10C16	Quách Bảo	Ngọc	400,000	
29	10C16	Nguyễn Ngọc Thanh	Nhàn	400,000	
30	10C16	Nguyễn Thị Phương	Nhi	400,000	
31	10C16	Trần Minh	Phát	400,000	
32	10C16	Nguyễn Hải Thiên	Phúc	400,000	
33	10C16	Nguyễn Trần Minh	Phương	400,000	
34	10C16	Nguyễn Minh	Quân	200,000	
35	10C16	Cao Lương Hoàng	Tân	400,000	
36	10C16	Nguyễn Vy	Thụy	200,000	
37	10C16	Võ Hữu	Tiến	400,000	
38	10C16	Nguyễn Minh	Triết	200,000	
39	10C16	Lê Minh	Tuệ	400,000	
40	10C16	Nguyễn Thị Tường	Vân	400,000	
41	10C16	Trịnh Trần Hoàng	Vũ	400,000	
42	10C16	Nguyễn Lê	Vy	300,000	
43	10C16	Văn Lữ Hoàng	Yên	400,000	
				15,800,000	
	10C17			13,300,000	
1	10C18	Phún Tấn	An	400,000	
2	10C18	Mai Phương	Anh	400,000	
3	10C18	Trần Hải	Anh	500,000	
4	10C18	Lê Đức Chi	Bảo	400,000	
5	10C18	Phan Bảo	Châu	400,000	
6	10C18	Nguyễn Tấn	Dũng	400,000	
7	10C18	Cao Tấn	Đạt	500,000	
8	10C18	Nguyễn Thành	Đạt	400,000	
9	10C18	Nguyễn Trần Quỳnh	Giao	400,000	
10	10C18	Trần Ngọc Khánh	Hân	500,000	
11	10C18	Nguyễn Trọng	Hiếu	500,000	
12	10C18	Huỳnh Nhật	Hoà	400,000	
13	10C18	Nguyễn Công Nhật	Huy	400,000	
14	10C18	Hồ Phước	Hưng	400,000	
15	10C18	Phan Nguyễn Phúc	Khang	600,000	
16	10C18	Đặng Tuấn	Khanh	400,000	
17	10C18	Nguyễn Huỳnh Gia	Khiêm	400,000	
18	10C18	Nguyễn Trung	Kiên	400,000	
19	10C18	Trần Hoàng	Lam	400,000	
20	10C18	Võ Duy	Linh	400,000	
21	10C18	Đinh Khánh	Lương	500,000	
22	10C18	Huỳnh Đức	Minh	400,000	
23	10C18	Đặng Nguyễn Thảo	My	400,000	
24	10C18	Trần Kim	Ngân	400,000	
25	10C18	Nguyễn Đình Khánh	Ngọc	500,000	

STT	Lớp	HỌ	TÊN	Tiền	Ghi chú
26	10C18	Phạm Khôi	Nguyễn	400,000	
27	10C18	Đặng Thành	Nhân	400,000	
28	10C18	Đinh Quang	Nhật	400,000	
29	10C18	Đặng Tấn	Phát	400,000	
30	10C18	Vũ Ngọc	Phúc	400,000	
31	10C18	Võ Nhật	Quang	400,000	
32	10C18	Nguyễn Trần Trúc	Quỳnh	400,000	
33	10C18	Nguyễn Bá	Thành	400,000	
34	10C18	Trần Thị Phương	Thảo	400,000	
35	10C18	Bùi Việt Minh	Thiên	400,000	
36	10C18	Trần Thị Phương	Thủy	400,000	
37	10C18	Nguyễn Ngọc Đan	Thy	500,000	
38	10C18	Đỗ Minh	Trí	400,000	
39	10C18	Nguyễn Lê Anh	Tuấn	500,000	
40	10C18	Nguyễn Triều	Uyên	400,000	
41	10C18	Đặng Ngọc Hồng	Vinh	400,000	
42	10C18	Phạm Ngọc Phương	Vy	400,000	
43	10C18	Lê Đoàn Mỹ	Ý	400,000	
				18,200,000	
1	10C19	Hứa Vân	An	400,000	
2	10C19	Hà Phạm Mai	Anh	400,000	
3	10C19	Nguyễn Diệu	Anh	400,000	
4	10C19	La Thiên	Ân	400,000	
5	10C19	Châu Ngọc	Bích	400,000	
6	10C19	Trần Anh Tuấn	Dũ	400,000	
7	10C19	Phùng Thụy Ánh	Dương	400,000	
8	10C19	Nguyễn Lê Minh	Đan	400,000	
9	10C19	Hứa Đoàn Ngọc	Hà	400,000	
10	10C19	Ngô Thái Thanh	Hằng	400,000	
11	10C19	Nguyễn Thị Xuân	Hiếu	400,000	
12	10C19	Chung Đức	Hưng	400,000	
13	10C19	Trương Mai	Khôi	400,000	
14	10C19	Quách Thiên	Lam	400,000	
15	10C19	Phan Hoàng Trúc	Lâm	400,000	
16	10C19	Trần Phan Thùy	Linh	400,000	
17	10C19	Phan Kiến	Minh	400,000	
18	10C19	Phan Phước	Minh	400,000	
19	10C19	Hồ Nguyễn Thảo	Ngân	400,000	
20	10C19	Chu Thị Hồng	Ngọc	400,000	
21	10C19	Nguyễn Gia	Ngọc	400,000	
22	10C19	Nguyễn Thanh	Ngọc	400,000	
23	10C19	Khương Đông	Nguyễn	400,000	
24	10C19	Nguyễn Thành	Nhân	400,000	
25	10C19	Nguyễn Hồng Anh	Như	400,000	
26	10C19	Trần Hồng	Phúc	200,000	

STT	Lớp	HỌ	TÊN	Tiền	Ghi chú
27	10C19	Trương Như	Phúc	400,000	
28	10C19	Lê Tào Hoàng	Quân	400,000	
29	10C19	Nguyễn Trần Diễm	Quỳnh	400,000	
30	10C19	Trần Ngọc Anh	Thư	400,000	
31	10C19	Lê Trần Bảo	Thy	400,000	
32	10C19	Vũ Đỗ Ngọc	Tiên	400,000	
33	10C19	Trần Lê Thị	Trâm	200,000	
34	10C19	Phan Võ Tường	Vy	200,000	
35	10C19	Nguyễn Hải	Yên	400,000	
				13,400,000	
1	10C20	Trương Bùi Khánh	An	400,000	
2	10C20	Lê Phạm Tâm	Anh	500,000	
3	10C20	Nguyễn Thị Kim	Anh	400,000	
4	10C20	Nguyễn Hoài Thiên	Bảo	400,000	
5	10C20	Nguyễn Ngọc Bảo	Châu	400,000	
6	10C20	Đinh Ngọc Phương	Giang	400,000	
7	10C20	Nguyễn Minh	Hạnh	600,000	
8	10C20	Âu Dương Bảo	Hân	400,000	
9	10C20	Lê Hoàng Phương	Hoài	400,000	
10	10C20	Tạ Tuấn	Hung	100,000	
11	10C20	Nguyễn Bảo Minh	Khuê	400,000	
12	10C20	Nguyễn Thiên	Kim	400,000	
13	10C20	Nguyễn Linh	Lan	400,000	
14	10C20	Nguyễn Thị Huyền	Linh	400,000	
15	10C20	Trịnh Ngọc	Minh	400,000	
16	10C20	Đỗ Kim	Ngân	400,000	
17	10C20	Lê Hoàng Bảo	Nghi	400,000	
18	10C20	Đỗ Hà Hồng	Ngọc	400,000	
19	10C20	Nguyễn Lê Bảo	Ngọc	500,000	
20	10C20	Lâm Y Thảo	Nguyên	400,000	
21	10C20	Giang Mẫn	Nhi	400,000	
22	10C20	Cao Hoàng Mỹ	Phương	500,000	
23	10C20	Vũ Minh	Quân	500,000	
24	10C20	Đoàn Phương	Quỳnh	500,000	
25	10C20	Đoàn Anh	Tài	400,000	
26	10C20	Lê Y	Thiên	400,000	
27	10C20	Vũ Quỳnh Minh	Thư	500,000	
28	10C20	Nguyễn Hoàng Khánh	Thy	400,000	
29	10C20	Nguyễn Mạc Thái	Toàn	500,000	
30	10C20	Nguyễn Bá	Trí	400,000	
31	10C20	Nguyễn Khánh	Vy	400,000	
32	10C20	Nguyễn Phương	Vy	400,000	
				13,400,000	
1	10C21	Trương Quỳnh	An	400,000	
2	10C21	Ngô Minh	Anh	400,000	

STT	Lớp	HỌ	TÊN	Tiền	Ghi chú
3	10C21	Trương Huỳnh Hoàng	Anh	400,000	
4	10C21	Phạm Ngọc Khánh	Băng	400,000	
5	10C21	Trần Hoàng Bảo	Châu	400,000	
6	10C21	Dương Hoàng	Dzũ	400,000	
7	10C21	Mai Thị Kiều	Giang	400,000	
8	10C21	Nguyễn Thị Ngọc	Hân	400,000	
9	10C21	Nguyễn Thị Thu	Hiền	400,000	
10	10C21	Hoàng Đào Kim	Khánh	400,000	
11	10C21	Trần Lê Minh	Khuê	400,000	
12	10C21	Nguyễn Lê Hoàng	Kim	400,000	
13	10C21	Trần Nhã	Kỳ	400,000	
14	10C21	Nguyễn Hoàng	Lâm	400,000	
15	10C21	Trần Ngọc Ái	Linh	400,000	
16	10C21	Nguyễn Hoàng	Mai	400,000	
17	10C21	Huỳnh Lê Ngọc	Nga	400,000	
18	10C21	Huỳnh Lê Thúy	Nga	400,000	
19	10C21	Lê Thanh	Ngọc	400,000	
20	10C21	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	400,000	
21	10C21	Phạm Thị Mỹ	Ngọc	400,000	
22	10C21	Trịnh Công Lam	Nguyên	400,000	
23	10C21	Nguyễn Thảo	Nhi	400,000	
24	10C21	Nguyễn Anh	Như	400,000	
25	10C21	Lê Đăng Nam	Phương	400,000	
26	10C21	Nguyễn Lương Hoàng	Quốc	400,000	
27	10C21	Đinh Phạm Khánh	Quyên	400,000	
28	10C21	Bùi Võ Như	Quỳnh	400,000	
29	10C21	Đinh Nguyễn Bảo	Thy	400,000	
30	10C21	Trần Huỳnh Hoa	Tiên	400,000	
31	10C21	Nguyễn Ngọc Bảo	Trâm	400,000	
32	10C21	Nguyễn Thảo	Vy	400,000	
33	10C21	Trần Khánh	Vy	200,000	
34	10C21	Lê Hồng	Yên	400,000	
				13,400,000	